NĂM THỨ TƯ Số 172 Thứ năm 28 Décembre 1944

TRI TÂN

TÒA BÁO 95-97 CHANCEAULME-HANOI
1 năm 35$00 — 6 tháng 18$00 — 3 tháng 9$00

MỤC LỤC

* Hội-họa với nhà-đồng — *Hoa-Bằng*
* Tây hứng — *Nhật-Nham — Đông-hồ — Thanh-Thiên*
* Việt nam văn học sử (I) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Bàn góp về nguồn gốc tiếng Việt-nam (III) — *Đào-trọng-Đủ*
* Tài liệu để đính chính những bài văn cổ (LXXXI) — *Ứng-Hòe*
* Từ minh-tinh của Phan-lương-Khê đến thần-chủ của Bùi-hữu-Nghĩa (I) — *Lê-thọ-Xuân*
* Hai tháng ở gò Óc-Eo (IV) — *Biệt-lam Trần-huy-Bá*
* Đại Nam dật sự (LIII) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Một cuộc săn hàng lậu — *Bản dịch Nguyễn-huyền-Tĩnh*
* Những ông Nghè triều Lê (CIII) — *Ứng-Hòe*
* Ao tư (tiểu thuyết XXII) — *Nguyễn huy-Tưởng*

0$70

Nhi-đồng Việt-nam ở thế-hệ nay

Hội-họa với nhi-đồng

HOA-BẰNG

Ngày xưa, sách học hầu hết không có tranh vẽ. Trừ ra một mớ tiểu thuyết thạch-bản Tàu hoặc một vài cuốn sách in như bộ *Thi kinh đại toàn* do nhà Kim-ngọc lâu (Tàu) tàng bản là có một mục « đồ », trong có những hình vẽ khắc gỗ và in mộc bản như mũ-mão, áo, xiêm, đồ đeo, đồ dùng, đồ âm nhạc, xe pháo, binh-khí, v v. Nhưng bộ *kinh Thi* ấy không phải nhà nào ngày xưa cũng có, mà học-sinh ít ra đến trạc 16, 18 tuổi mới học tới. Cho nên hàng trẻ xưa có lẽ suốt thời-kỳ nhi-đồng không được thấy qua một bản sách có tranh ảnh gì cả. Vả thoạt mới vỡ lòng, đã phải « nhai-nhải » học ngay những chữ trừu tượng, thì có cần gì phải nhận xét những vật hữu hình !

Còn một cớ nữa ngày xưa khoa-học chưa phổ thông, máy móc chưa nhập cảng, nghề in, nghề chế giấy đều làm bằng thủ thuật cả. Vì thế, trẻ con không có cái may-mắn như ngày nay có nhiều sách in hoạt bản và tranh ảnh để học, để chơi.

Từ khi xoay theo tân học, nhi-đồng mới được làm quen với những sách in có tranh vẽ những sự vật hữu hình để cho dễ hiểu những tiếng cụ-thể ở ngay trong bài học.

Nói đến hội-họa trong phạm vi nhi đồng-học Việt-nam hiện đại, ta phải kể tới *hộp chữ a, b, c...* của nhà Mai-Lĩnh và *Sách dạy vẽ* của họa sĩ Nguyễn Văn-Thuần.

Cứ như ông Mai-Lĩnh nói chuyện với tôi, thì cái *hộp chữ* cho trẻ chơi đó là do ông tự nghĩ chế ra (1). Nguyên, một hôm, ông Mai-Lĩnh thấy mấy trẻ em tìm kiếm trong rọt giấy chữ, chọn lấy những mảnh giấy có tranh vẽ như những tờ lịch cũ chẳng hạn, rồi bày la-liệt ra trước mặt để chơi với nhau. Một ý nghĩ vụt nảy trong trí ông : Bây giờ ta sao không nhân ngay cái tính ưa thích tranh vẽ mà làm một *bộ chữ a, b, c...* cho trẻ con chơi — mà dụng ý của ông chỉ cốt cho trẻ con chơi thôi, chứ không chủ tâm làm cho trẻ học. Ông lại nhớ ra rằng, trước đây, nhà Học-chính đã làm một cuốn vần quốc ngữ với tranh vẽ như « a : quả na ; e : quả me ; ê : con dê ; ơ : cái mo... » hình như cũng đã gây được cái tính hạm thích của trẻ vừa học vừa chơi rồi đó.

Thế rồi *hộp chữ a, b, c...* của nhà Mai-Lĩnh ra đời (năm 1937). Tất cả 27 « quân chữ » : nền in « ly-tô » (litho) có tranh vẽ những hình cái khăn, cây đu, cái bàn, v. v., chữ in mực đen, gồm có những vần chữ cái và các con số từ 0 đến 10. Mỗi « quân chữ » đều có hai mặt : chẳng hạn mặt trên in chữ A, vẽ cái áo, mặt dưới in chữ F, vẽ cái liềm...

Tôi đã thí-nghiệm, cho một trẻ em chơi những « quân chữ » này.

Khi bắt đầu chơi *quân chữ a, b, c...* ấy, em đó mới được mười tuổi ba tháng và 5 ngày. Bấy giờ là ngày 18 tháng chạp 1939. Sau đó ba hôm, tức ngày 21 tháng chạp ấy, em đó đã biết được đến 17 bức vẽ trên mặt « quân chữ » rồi. Đại-để hỏi : « A gì », thì em đó nói : « A... cái áo » ; hỏi « U gì » thì đáp : « U... đánh đu », v. v. Đến ngày 26 tháng hai 1940, em đó thấy hai chữ « TIN MỚI » in làm lá nhãn một tờ báo thì đọc là : « T cái tay ; T đi học ; » đến chữ N thì đọc lầm làm M nên đọc ; « M lọ mực » ; đến chữ M lại lầm làm N nên đọc : « N cái nồi ; O cây cờ ; I đi học ». Thế là một trẻ mới hơn hai tuổi chơi « quân chữ » được hơn 2 tháng đã nhận được gần đúng hai chữ là nhãn một tờ báo (trừ lầm 2 chữ M với N).

Qua ngày 29 tháng hai 1940, em đó đã thuộc được nhiều chữ cái, khi thấy ở trên mặt báo. Ví dụ thấy chữ HAIPHONG thì đọc là : « H con hổ ; A cái áo ; I đi học ; P cái pháo ; H con hổ ; O quả nho ; N cái nồi ; G-a-ga-huyền-gà. »

Đến khi em đó lên ba thì đã biết được hết các chữ cái.

Như vậy ta nhận thấy rằng nhờ hội họa gây được hứng thú, trẻ em rất dễ nhận biết những chữ cái « a, b, c... ». Về sau, đến tuổi đi học, dạy trẻ tập đánh vần, tập đọc quốc-ngữ, tưởng cũng không tốn công mấy.

***

Bản tính trẻ con thường-thường thích vẽ. Ngày xưa nước ta sở dĩ kém cỏi về mặt hội họa mỹ thuật có lẽ vì ta không biết nâng đỡ những thiên tài chớm nảy và không có phương pháp để dắt dẫn cho trẻ đi theo đường ấy ngay từ khi còn bé.

Để có tờ giấy trắng, cái cụ thường dành-dụm cất đi để dùng vào việc người lớn chứ trẻ xưa không mấy khi được quyền « sử-dụng » một tờ giấy để vẽ chơi. Vì thế, dầu có khuynh hướng và sở-trường về hội họa, nhi đồng xưa cũng *không bởi đâu mà phát triển được kết sở-năng.*

Còn nữa : một nhà họa sĩ Tàu, trước kia, qua chơi Hà-nội, diễn thuyết về hội họa, có thuật lại mẩu chuyện từ bé của ông ta. Không thích học, chỉ thích vẽ ; hễ vớ được mảnh giấy nào thì vẽ tia vẽ lia... Mỗi khi thấy cha bỏ ngòi ngăn bàn, thì liền lấy giấy của cha ra vẽ dầu phải cha đánh mắng thế nào cũng không chừa. Hết giấy, vẽ lên bàn, vẽ lên tường, không bỏ sót một dịp nào không vẽ. Về sau, cái khiếu hội-họa ấy cứ được phát triển đến nơi đến chốn, nên ông ta được trở nên một nhà họa sĩ như ngày nay. Rồi ông ta không quên khuyên những người làm cha mẹ : hễ ông bà nào có con thích vẽ thì cứ nên để cho con được tự do để theo con đường hợp với sở thích, sở trường của nó.

Khốn nỗi, lắm trẻ muốn học theo cái môn nó thích, nhưng phương pháp không biết, kiểu mẫu không sẵn, thì lập cập mò mẫm mò mình, tưởng tốn công nhiều mà tiến hiệu ít !

Làm một việc để bổ vào chỗ khuyết ấy, ông Nguyễn Văn Thuần có *Sách dạy vẽ*, dựa theo trình độ của nhi đồng, đánh số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, v. v., từ dễ đến khó, chia làm ba loại : *tuyến họa (dessin linéaire), phỏng họa (dessin d'imitation)* và *thủ công (travail manuel)*

Những bản sách vẽ này hiện được ứng dụng ở các trường học.

Như thế, nhi đồng trong khi vẽ chơi, có sẵn sách vẽ để tập, kiểu-mẫu để theo, sau này rất dễ thành tài nếu em nào có khuynh-hướng và sở năng về hội họa.

HOA BẰNG

1) Nhưng sau ông Mai-lĩnh đến hiệu Gô-da, thấy có bán những hộp chữ tương tự như thế, bấy giờ mới biết ngoại quốc làm trước mình lâu rồi.

Tùy hứng

BIỆT-LY

Đất bằng bỗng nổi cơn giông-tố,
Ngàn Bắc gây nên cuộc bể dâu !...
Đức nặng núi gò, ơn chửa báo,
Tình thâm phu tử, nghĩa còn sâu !
Đôi đường cách-biệt, đôi hàng lệ !
Chín chữ cù-lao, chín khúc sầu !
Nông nỗi này chăng cha có thấu ?
Tịt mù dưới Suối biết tìm đâu ? !...

NHẬT NHAM
Trịnh-như-Tấu
(20 Décembre 1944)

ĐÊM LIÊU TRAI

I

... Tiếm tác nhân gian ngữ

Cánh mộng, từ nay, thôi khép lại
Đêm đêm, bút mực bạn ai đây !
Thời-gian dằng-dặc dài : Thương nhớ
Vũ trụ mênh-mông vắng : Đọa-đày.
Còn nhớ đêm nào đương thuở ấy
Ngàn thông nghe tiếng, gió lung lay.
Tơ trăng mảnh vướng sau rèm lá
Tay mới cầm tay, dậy đắm say.
Ngỡ-ngơ như quen từ kiếp trước,
Ai-ân bừng cảm phút giây này.
Lòng hoa ngậm kín hồn trinh trắng,
He-hé mùa Yêu ngát mái tây.
Một phút cảm thông tình vạn thuở.
Song hồ còn vướng gió trăng đầy.
Qua rồi, lạnh lẽo lòng chăn gối !
Chờ đợi, đìu hiu tháng với ngày !
Đã thấy lâng lâng niềm giản dị.
Hồn tan theo nước, Ý theo mây.

ĐÔNG-HỒ *ngâm-thảo*

ĐÔNG VỀ

Chợt thấy đông về tưởng nhớ ai,
Nhớ ai lặn đận bốn phương trời
Gió tuyết sương băng không ngại bước,
Cành trơ lá rụng vẫn tươi cười.
Đông này dù rét hơn đông trước,
Nhưng lửa tung bừng đốt chi trai.
Riêng ta vui thú đời êm ấm,
Trạnh nghĩ người xa luống cảm hoài !

THANH-THIÊN

VIỆT-NAM VĂN-HỌC-SỬ

Số 1.

Ưng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Năm 1914 ông Georges Cordier in một quyển « Việt-nam thi văn hợp tuyển » đề là *Littérature annamite, extraits des poètes et des prosateurs.* Tập kỷ yếu trường Bác cổ (q. XIV, số 9, tr. 1-6) bình phẩm những bài văn chữ nho của ông dịch ra tiếng nôm như sau này: « Ông Cordier chê rằng sách bằng tiếng Việt-nam (văn nôm) ít lắm, và lại kém hay, nên ông thêm rất nhiều bài văn nho dịch ra quốc ngữ. Trừ một vài người gần đây như ông Trương-Vĩnh-Ký hay ông Huỳnh-tịnh Của, còn có nhà làm văn xuôi nào viết bằng tiếng Việt-nam đâu, chỉ viết bằng chữ nho. Những bài trích-dịch văn nho, ông Cordier in vào cuối sách, gần được một phần tư quyển sách, thực ra chỉ là những bài dịch riêng cho quyển sách của ông, chứ không phải là nguyên-văn của nhà nho. Ông Cordier làm giáo-học, còn lạ gì lối văn với giọng văn, đối với nghệ-thuật quan-trọng như thế nào: dù dịch hay đến đâu, cũng không thể nào thay được bài nguyên-văn làm bằng tiếng khác, cái đó rõ-rệt lắm, không phải bàn đến.. Thực ra, lối ông Cordier không theo được: không ai lại xếp quyển « Cảm-tưởng và cách-ngôn » của vua La-mã Marc-Aurèle (161-180) làm bằng văn Hy-lạp vào văn-chương La-mã (tức La-tinh), không ai ghi tên ông Chamisso (văn-hào nước Đức, nhưng vốn là người Pháp) vào làng văn Pháp, mà nhất là không ai dịch tác-phẩm của các ông ấy vào sách thi-văn hợp tuyển (vì đã làm mẫu thì không lấy văn dịch). Một quyển lịch-sử về văn chương Việt-nam thì phải chép đến ông Ngô thì-Sĩ, Lê quý-Đôn, v.v., nhưng không bao giờ lại chép những bài văn chữ nho của các ông ấy vào quyển thi-văn bằng tiếng Việt-nam ».

Thế mà ông Dương-quảng-Hàm lại làm theo lối ông Cordier! Sách ông mới soạn xong, đề là *Việt-Nam văn-học sử-yếu Précis d'histoire de la littérature annamite* (do nhà Học-tinh xuất-bản được 508 trang 14×21), trong có mục « Các bài đọc thêm » in vài bài văn nho dịch ra quốc-ngữ. Lại dạy cả lối làm văn, thành ra vừa chép sử, vừa dạy làm thơ làm văn, vừa trích bài ở sách đã xuất-bản.

Cứ theo trình-độ giáo-khoa của ta, thì làm cả vào một quyển như thế, thật là tiện-lợi. Vả-lại, ông Hàm theo đúng chương trình khoa Việt-văn ở ban trung-học. Vậy có muốn bàn với ông tách ra làm sách sử, — sách trích-diễm, — và sách dạy làm văn, cũng không có ích gì. Chỉ nói qua rằng tên sách *Việt-Nam văn-học sử yếu*, không đúng với nội-dung quyển sách.

Trước khi bàn đến từng chương sách của ông, tôi dịch đoạn phê-bình của tập kỷ-yếu Trường Bác-cổ in năm 1914 (ở q. XIV, số 9, tr. 1-2) để độc-giả xem người Pháp xét đoán về văn của ta ra sao:

« Văn Việt-nam có người chê có người khen, hai bên đều nói quá cả, khen thì khen hết sức, chê thì đến nỗi bảo rằng: làm gì có văn Việt-nam! Thực ra thì văn Việt-nam không đáng tôn quá lên như thế, mà cũng không nên dìm quá xuống như thế. Nhưng muốn xét cho công bằng thì lại thiếu ít tài-liệu: Sách chữ nôm của người Nam làm ra, không phải là hiếm gì, nhưng có dễ mua dễ mượn đâu; cả đến những sách đã in ra quốc-ngữ, cũng không có mấy quyển ra khỏi Đông-dương, ngoài trường Bác-cổ ra, không có thư-viện nào để riêng sách nôm ra một khu, mà xếp-đặt có phương-pháp...

« Ta nên nhớ rằng người Tây nói đến văn Việt-nam thì khác hẳn người Nam, người Tây gọi văn Việt-nam là tất cả những sách làm bằng tiếng Việt-nam (tức là chữ nôm hay quốc-ngữ, chứ không phải chữ nho). Thực ra thì có hai thứ văn Việt-nam, chứ không phải có một thứ: hai thứ ấy khác nhau về những đề-mục, lại khác nhau cả đến tiếng dùng làm văn. Đến tận lúc người Pháp sang đây, hình như người Việt-nam không cho tiếng Việt-nam có thể diễn được những tư-tưởng nghiêm-trang: phàm điều gì người Việt-nam cho là quan-trọng đôi chút, thì bao giờ cũng

dùng chữ nho, như sử-ký, địa-dư, pháp-luật, triết-học, y-học, địa-lý, binh-pháp, thơ, phú, hễ cái gì làm gốc cho văn-chương, thì đều viết bằng chữ nho cả. Chỉ có chữ nho là dạy trong các trường học, thì học-trò cũng bằng chữ nho, đầu bài thi cũng bởi về chữ nho và văn nho của Tàu. Chữ nho lại vượt cả phạm vi văn-chương mà tràn vào đời công đời tư của từng người: về hành-chính, thì từ sắc-chỉ của nhà vua cho đến những lá đơn thường gửi lên vị quan nhỏ, — về tôn-giáo thì từ lời cầu khấn của vua ở đàn Nam giao (thờ giời) hay ở nhà thái-miếu cho đến lời khấn vái của kỳ-mục ở đình làng, — việc khánh điếu, công hay tư, gia-phả từng nhà từng họ, văn-khế miếng đất sảo vườn, bấy nhiêu thứ và còn nhiều thứ khác nữa, trước-kia chỉ làm bằng chữ nho. — Dùng chữ nho nhiều như thế, thì người Nam còn viết gì bằng tiếng Nam? — Ngày trước người Nam viết chữ nôm ít lắm. Trước khi người Pháp đến cai-trị nước Nam, sách vở viết bằng tiếng Nam chỉ có hai hạng: một là sách khinh-phù, như thơ phú ứng-thi, dâm-dãng, hoang-đường; hai là sách khuyến-thiện, như thơ giáo huấn, chuyện luân-lý thơ tôn-giáo, v. v. Trong hai hạng ấy không có văn xuôi, chỉ dùng có một lối văn vần. Lắm khi người ta lấy làm lạ, tại sao văn nôm lại không có lối văn xuôi? Nhưng mà dễ hiểu lắm. Thực thế, chớ nên tưởng rằng những sách viết bằng chữ nôm, có nhiều người đọc hơn sách viết bằng chữ nho đâu. Chữ nôm viết theo chữ nho thì khó học, phần nhiều chỉ có những người đã học qua chữ nho mới đọc nổi viết nổi. Đối với dân, thì sách nào cũng thế, viết bằng chữ gì cũng không hiểu, nhưng người dân nghe thấy người khác đọc sách nôm, có thể hiểu được. Vậy thì những sách nôm phải làm cho người ta học truyền-khẩu mà dễ-thuộc lòng, chứ không phải làm để xem. Mà muốn cho người ta nhớ lâu, hầu hết phải dùng lối thi ca, vì có vần có điệu; muốn cho dễ nhớ hơn nữa, phần nhiều phải dùng lối ca-dao (tức là lối trên 6 dưới 8).

« Một đàng vì mục-đích (dùng cho bình-dân) nên lối văn nôm phải nhiều thứ hạn-chế, không bành-chướng được, — Một đàng các nhà làm văn, vì giáo dục mà phải hạn-chế: tuy mình có ý-kiến gì hay, tài gì lạ, muốn phô-diễn ra, nhưng không được vượt ra ngoài khuôn-sáo. Thực thế, tất cả những nhà văn đời xưa là những người học nho, từ lúc học đến lúc làm văn, đã nhiễm lối tàu, thì dù viết bằng nôm hay tiếng khác, cũng không thoát cái sáo của Tàu. Về ý-tứ trong bài văn, trừ mấy bài thi-ca ngắn-ngắn, là thơ dâm-dãng hay trào-phúng, còn thì phần nhiều là bắt-chước hay dịch ở sách Tàu. Nổi tiếng hay nhất là chuyện *Kiều*, thế mà cũng là dịch ở một quyển tiểu-thuyết tàu gần giống hết (câu này nói không đúng vì chuyện *Kiều* là chuyện tàu, thì phải thuật theo chuyện, chứ không phải dịch theo văn. Nay đem một đoạn trong *Kim-vân-Kiều chuyện* (bằng chữ nho) của Thanh-tâm tài-nhân bên chép (bản sao trường Bác-cổ, số A 953, q. 4, tờ 47 b) so với mấy câu của cụ Tiên-điền ở *Đoạn-trường tân-thanh* (tờ 77 b, giòng 4 và 5) thì rõ ngay. Bên chữ nho chép rằng: « Thúy-Vân nói « Con sánh đôi với Kim-lang, là nguyên khi chị con bán mình làm việc hiếu, không đúng lời thề, cho nên gọi con nối đoạn nhân duyên ấy. Nay chị con đã chết đi sống lại, thì lời thề trước bấy còn, bây giờ chẳng thực-tiễn, còn đợi lúc nào? » Thế mà cụ Nguyễn Du thuật sang văn vần là: « Rằng: Trong tác-hợp cơ-trời, đôi bên gặp gỡ một lời kết-giao. Gặp cơn binh-địa ba-đào, phải đem duyên chị buộc vào cho em. Cũng là phận cải duyên kim, cũng là máu chảy ruột mềm chớ sao? Những là rày ước mai ao, mười lăm năm ấy biết bao nhiêu tình! Bây giờ gương vỡ lại lành, khuôn-thiêng lừa lọc đã đành có nơi, còn duyên may lại còn người, còn vầng trăng bạc còn lời nguyền xưa. Quả mai ba bảy đang vừa, đào non liệu sớm xe tơ kịp thì ». Như thế mà gọi là « dịch theo » sao được? Vả lại trong 14 câu ấy, thì từ câu 5 cho đến câu 12 thì là tiếng ta và tục ngữ ta, chứ không mượn ý-tứ gì của Tàu cả).

« Khi nào không phải làm sách cho dân đọc, tức là không phải viết lối ca-dao, thì người Nam lại trở về lối cũ, dùng toàn thơ tàu và các lối văn vần của Tàu. Những lối ấy là thơ có hạn chữ, ca dề bát, phú có hạn vần, v. v., đâu có đủ cả trong văn nôm, chỉ nơi khác là tại dùng tiếng nôm thì phải đổi đi đôi chút (câu này cũng không đúng: thơ phú nôm có khác gì thơ phú chữ nho đâu?) Sau hết, về văn-thể, thì bao nhiêu những điều so-sánh, tỷ dụ, điển-tích, đều là mượn của phong-tục, sử ký và sự-tích nước Tàu. trừ

(Xem tiếp trang 9)

BÀN GÓP VỀ NGUỒN GỐC TIẾNG VIỆT-NAM

Số 3

ĐAO-TRỌNG-ĐỦ

C. — Câu nói tiếng ta với câu nói tiếng khách

So-sánh ngôn - ngữ người Tầu với cách Việt-nam ta ăn nói, ta còn nhận thấy giá-trị của ngữ-chứng một cách rõ-ràng hơn. Nhiều khi câu nói tiếng tầu giống hệt câu nói tiếng việt - nam. Ví-dụ : *Chữ nho*, như câu : « thỉnh tướng công sát hi », ta thường thấy trong *Tam quốc chí*, đối với câu Việt-nam : xin tướng công xét cho. Mỗi câu năm chữ : bốn chữ trên câu tiếng tầu giống bốn chữ trên câu tiếng ta còn chữ thứ năm hai câu tất nhiên phải giống nhau nốt. Vậy hai câu trên này là một ngữ-chứng nói cùng-tử rằng chữ *chi*, hán-tự, đã việt-hóa ra chữ *cho* tiếng nôm. *Cho* đây là đại - danh - từ, không phải là động-từ. Xin tướng-công xét cho, cũng như thằng bé chỏng con mèo, nó cần cho : *cho* trên thay *cho* điều ấy, *cho* dưới thay cho thằng bé. *Cho* này khác chữ *cho* ai vật gì, nguồn gốc ở chữ cấp làm *cho*, khiến *cho*, cỗ-rễ ở chữ sử, và *cho* nên nguồn-gốc ở chữ sở-dĩ. Trong câu « Làm cho cho lại cho tàn cho cân », *cho* thứ nhất là chữ sử, *cho* thứ nhì là chữ chi, ba chữ cho sau gồm cả hai nghĩa *cho-sử* và *cho-chi* : vì đồng âm nên cách dùng chữ đặt câu biến-đổi đi như vậy : một âm *cho* thay cho hai chữ *cho* nguồn - gốc khác nhau.

Câu *thiên cao địa hậu* đối với câu *giời cao đất dày* : giời ở chữ thiên, cao ở chữ cao, đất ở chữ địa, thì dày phải ở chữ hậu. Hai câu này làm ngữ - chứng cho nguồn-gốc chữ dày :

Câu *vạn sự như ý* với câu mọi sự như ý : vạn, giọng quảng-đông là màn, biến thành chữ mọi vì chịu ảnh-hưởng chữ mỗi. Màn thành ra mọi cũng như man là người mán, thành ra chữ mọi, người mọi.

Tiếng Bắc-kinh, như câu : shư p'inh yuên nó ? Hải shư sao tí nó ? Hải shư, đối với câu tiếng Việt-nam : là bình-nguyên như ? Hay là sơn-địa như ? Hay là...Shư chữ nho là thị thành ra *là*, hải shư chữ nho là hoàn thị thành ra *hay là*. Câu : nì huồi lải lò, trước shư i chien bản bảo tò shứ - shểng (1) nghĩa là : ông trở lại rồi, đó là một việc rất tốt. So-sánh hai câu này ta nhận thấy chữ shư thành ra *là*, chữ trước thành ra *đó* : trước shư là *đó là*. Trước thành ra *đó* cũng như trợ thành ra dũa trợ thành ra dỡ (giúp dỡ). Câu : dãn tiị thằng nhược sự-tình dũ biến dũ ác-liệt *dịch thoại*, nễ bất *đương* đại ngã tử, nghĩa là : nhưng mà dù công - việc càng biến-đổi càng lôi-thôi *đi nữa*, anh đừng nên thay tôi mà chết. Cách đặt hai câu này giống hệt như nhau : dãn thị là *nhưng mà*, thằng nhược là *dù*, sự - tình là *công-việc*, dũ biến là *càng biến-đổi*, dũ ác-liệt là *càng lôi - thôi* dịch-thoại là *đi nữa* ; so-sánh hai câu, ta có thể kết-luận rằng *dịch thoại* đã việt - hóa ra *đi nữa*, *chăng nữa*, *đương* việt - hóa ra *nên* (*đang* hoặc *đương* thành ra *nên*, cũng như đăng thành ra *đèn*, *nến*.)

Lại như câu : Ni pủ yao trửo yang shứa pà, là ông đừng nói thế *mà*. Câu : cao sú ni trân shỉnh *pà*, là bảo thật ông *mà*. Hai tiếng *pà* và *mà* cùng đặt sau câu, và cùng một nghĩa, biết đâu không cùng một nguồn-gốc ?

Tiếng quảng-đông, như câu : Hầu yuỷn kê, là xa lắm kia (hoặc xa lắm cơ) : *kê* quảng-đông thành ra *kia* việt-nam. Câu : ngộ xưởng mải yắt tui cầm yưởng kê, tôi muốn mua một đôi thõ này cơ : chữ *kê* tầu chữ *cơ* ta cũng có vẻ tương-tự. Lại như câu : ni lưỡng yưởng pâu tú thông mải yắt yưởng *chế*, hai thứ vải này cùng một hạng cả *chứ*, chữ *chứ* ta tức là chữ *chế* tầu.

Tiếng ta giống tiếng tầu không những ở cách xếp câu, còn ở cả cách đặt và cách dùng tiếng-đôi nữa. Ví-dụ tiếng Bắc-kinh nói :

pá-pá là ba
má-ma là má
kớ-kơ là anh
chỉ-chiể là chị
tí-ti là em gái
mầy-mầy là em gái
khán-khan là xem
shiểng-shểng là tuồng,
shi-shí là rửa (rảy) (tẩy tẩy)
shié shie — đa tạ (tạ tạ)
wần-wăn — hỏi (vấn vấn)
shỉnh-shỉnh — mời (thỉnh thỉnh) vân vân...

Hai tiếng lập lại như thế tuy nói khác, nhưng viết cùng một chữ. Việt-ngữ ta cũng có rất nhiều thí dụ như vậy : Hoặc một chữ

nho lập lại thành tiếng-đôi Việt-nam, như :

biết	thành	ba-ba
phủ	—	vò-vò (tò-vò)
gia	—	đa-đa
thuần	—	cun-cút
bạc	thành	mỏng-mảnh
khinh	—	tênh-tênh
phức	—	phưng-phức (thơm)
dực	—	rưng-rức (đen)

Hoặc một tiếng-đơn, bất luận nho hay nôm, lập lại theo vần *iếc* mà thành ra tiếng-kép, như : quan thành quan-kiếc, học thành học-kiệc, nước thành nước-niếc, cơm thành cơm-kiếc, vân vân.

Hoặc tiếng-đôi tầu có sẵn việt-hóa ra tiếng nôm, như thanh-đinh thành ra chuồn-chuồn, hồ-điệp thành ra bươm bướm (2), tch'ầm kùi quảng-đông thành ra cặm-cụi, má-má, qd thành mò-mò, nỉ-nam thành ra nỉ-non, vân vân..

Đến như cách dùng tiếng-đôi, người Tầu cũng hay lập lại như Việt-nam và lấy lại thành ra bốn tiếng đi liền nhau. Ví-dụ : tiếng Bắc-kinh :

nam nữ	thành	nam nam nữ nữ
tử tôn	—	tử tử tôn tôn
văn vũ	—	văn văn vũ vũ
minh bạch	—	minh minh bạch bạch
tứ phương dích	—	tứ tứ phương dích

Tiếng ta cũng thế, nhưng có vẻ phong-phú hơn nữa.

Hoặc nói như người Bắc-kinh : lập lại từng chữ một :

anh em	thành	anh anh em em
mẹ con	—	mẹ mẹ con con
vợ chồng	—	chồng chồng vợ vợ
đi lại	—	đi đi lại lại

Hoặc theo cách Việt-nam, lập luôn hai chữ một lúc ; và đổi giọng tiếng sau đi :

buồn thiu	thành	buồn thiu buồn thiu
buồn rầu	—	buồn rầu buồn rĩ
ấp-úng	—	ấp-a ấp-úng
cáu nhàu	—	cáu nhàu cáu nhẩu
lê-thê	—	lê thê lếch-thếch, vân vân...

Tiếng việt-nam giống tiếng tầu như thế, nguồn-gốc việt-ngữ không ở tiếng Tầu thời ở đâu ? Dù có nhiều tiếng bây-giờ ta chưa tìm thấy cỗi-rễ, ta cũng không nên vội kết luận rằng những chữ ấy là tiếng việt-nam thuần-túy. Nhờ luật toàn-cú việt-hóa là một ngữ chứng rất chắc-chắn, ta sẽ biết được nhiều điều không ngờ về nguồn-gốc tiếng việt.

Nên chú-ý. — Còn luật đồng-thanh cũng thuộc về ngữ-chứng, nhưng thí-dụ đều là tiếng-đôi, xin để giành đến lần sau, sẽ bàn cùng một lượt với mấy luật đồng-âm, đồng-dịu, đồng-nghĩa và đồng-nguyên.

ĐÀO-TRỌNG-DU

---

1) Chữ nho là : Nễ hồi lai liễu, giá thị nhất kiện ngận hảo đích sự-tình.

2) Chữ thanh đình thành chuồn chuồn, hồ điệp thành bươm bướm, một lần sau sẽ cắt nghĩa tường tận.

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p00 một vé

ĐÃ CÓ BÁN

VIỆT NAM VĂN HỌC SỬ YẾU

DƯƠNG QUẢNG HÀM Giáo sư trường Trung Học Bảo-Hộ Hà-nội — 500 trang khổ 15×22 lớn

DANH TỪ Y HỌC (TẬP A VÀ B)

PHẠM KHẮC QUẢNG Y-khoa Bác sĩ — LÊ KHẮC THIỀN Ngoại-trú Y-sinh

ĐẠI NAM HÌNH PHÁP

LÊ TRUNG CHÁNH Luật-khoa Tiến-sĩ Thẩm Phán tại tòa Thượng-thẩm Huế, 350 trang khổ 13×20

Nhà in XUÂN THU, 214, Hàng Bông — Hanoi

Tài liệu để đính... chính những bài văn cổ

Số 77

Ứng-hoè NGUYỄN-VAN-TỐ

CXXXV. — Kim Vân Kiều
(bài nối)

Câu « Xưa nay trong đạo đàn-bà, Chữ trinh kia cũng có ba bảy nhường » (đường) các bản chữ nôm đều viết như thế. Duy quyển quốc-ngữ của ông Vĩnh (1943, tr. 744) chép là « ba bảy đường » (façons) thì không đúng, vì trùng với câu : « Có khi biến có khi thường, Có quyền nào phải một đường chấp kinh », « Nhường » « thường », « đường » là một vần ; không bao giờ một vần lại dùng hai chữ trùng nhau như thế.

Nhân biết kỳ này tôi so đến câu ấy, có mấy bạn đọc báo viết thư hỏi tôi về nghĩa chữ « trinh » : tôi theo sách giảng như sau này.

Nguyên bên chữ nho, dịch dưới đây, có câu : « Phàm trinh-tiết của người con gái, có khi lấy việc « không thất thân » làm trinh-tiết, có khi lấy việc « nhục thân » làm trinh-tiết, vì là có lúc thường có lúc biến. Hiền-thê sở-dĩ thân bị nhục, là gặp phải lúc biến mà làm việc hiếu, cũng như hoa sen tuy bị ở dưới bùn mà không nhuốm...». Đó là câu của Kim-Trọng. Bàn rộng về nghĩa trinh-tiết, mà cũng là bình-phẩm đời Thúy-Kiều « lấy hiếu làm trinh ».

Chính ra làm người con gái, phải « lấy chữ trinh làm đầu ». Khi Thúy-Kiều mới gặp Kim-Trọng, Kim-Trọng có chiều lả-lơi, thì Thúy-Kiều nói rằng : « Đã cho vào bậc bố-kinh, đạo tùng-phu lấy chữ trinh làm đầu. Ra tường trên bộc trong dâu, những con người ấy, ai cầu làm chi ?» Thế thì chữ trinh ấy là không thất tiết, « không thất thân ». Cho nên khi tái phùng với Kim-Trọng, Thúy-Kiều vẫn nói : « Nghĩ rằng trong đạo vợ chồng, hoa thơm phong nhị, giăng vòng ngậm gương, chữ trinh đáng giá nghìn vàng, đuốc hoa chẳng thẹn với chàng mai xưa », tuy Kim-Trọng giảng-giải chữ trinh « có ba bảy nhường », mà Thúy-Kiều vẫn nhất định rằng « chữ trinh còn một chút này, chẳng cầm cho vững, nỡ giày cho tan ». Thúy-Kiều đã bị thiên ma bách triết, mà đến khi tái phùng với Kim-Trọng là người tình-nhân đầu tiên « tình-nhân lại gặp tình-nhân, hoa xưa bướm cũ mười phân chung tình » vẫn nhận mình là « chữ trinh còn một chút...», nên các bạn đọc báo có hỏi tôi rằng : « Chữ trinh ấy có bản nào viết chữ gì khác không ? và có nghĩa gì khác không ? ».

Tra tự-vị thì trinh nghĩa là trung-chính, là bền chặt. Người con gái không lấy chồng gọi là trinh. Có chồng mà không thất tiết cũng gọi là trinh. Cứ theo nghĩa như thế, mà Thúy-Kiều nhận là trinh thì hơi ngang, nhưng đối với Thúy-Kiều vẫn có chữ trinh « cách ngoại » (tức đặc biệt) là « lấy hiếu làm trinh », và chính khi bấy giờ tuy « động-phòng dìu-dặt chén mồi, bâng-khuâng duyên mới ngậm-ngùi tình xưa », nhưng Thúy-Kiều vẫn nhất định không chịu mây mưa, « trăm năm danh-tiết cũng vì đêm nay ». Vậy thì câu ấy viết chữ trinh là đúng, nên không có bản nào viết ra chữ gì khác.

***

Từ câu « Kiệu hoa giục-giã tức thì, Vương-ông dạy rước cùng về một nơi » trở xuống, dịch theo chuyện ở bản chữ nho như sau này :

Hai bên lạy đáp xong, đứng dậy. Vương-ông giục phu kiệu rước Thúy-Kiều đi. Vương bà nói : « Hiện giờ nó ăn mặc lối nhà chùa, sợ người ngoài dị nghị ». Nói rồi, gọi Thúy-Vân đem quần áo lại cho Thúy-Kiều thay. Thúy-Kiều chối từ rằng : « Con đã từng trải cảnh khổ Ngày nay được thấy cha mẹ, lấy làm may-mắn muôn phần. Nhưng thân này đã là người ngoài trần-tục, chỉ xin ở đây với sư-huynh để tu-hành là

ĐANG IN LẦN THỨ 2 :

LÀM BẾP GIỎI

Sách giầy hơn 350 trang. Có thêm nhiều bài mới lạ. In có hạn, Xin trả tiền trước. Không gởi lĩnh hóa giao ngân.

**Giá 10$** *cước phí 1$*

Nhà xuất-bản Phụ-Nữ phát hành. Thư và mandat để cho :

Bà ĐÀO THỊ MINH
118 Duvillier — Hanoi

mãn-nguyện rồi ». Giác-duyên gọi Thúy Kiều : « Hồn muội nói thế là nhầm. Trước đây hồn-muội sở-dĩ ăn mặc nặp-sông là lúc tùng quyền, chứ hồn-muội theo thế nào được ta ? » Vương-bà nói : « Thôi, con không nên nhiều nhời. Nếu con tu thành Phật được, thì ngài đã không thả con », Thúy-Kiều thưa : « Con đi theo cha mẹ, thì đã đành rồi. Nhưng con đối với sư-huynh ân sâu nghĩa nặng, con sao nỡ bỏ mà đi ? » Kim-Trọng nói : « Việc ấy cũng chẳng khó gì, mời sư phụ cùng đi về, rồi sẽ làm một cái am để cúng dàng, làm sao mà không được ? » (Đoạn này bản bản nôm, đến là lời của Vương-ông), Thúy-Kiều cho như thế là phải lắm, đứng dậy mời Giác-duyên cùng về, Giác-duyên trả lời : « Đa tạ mỹ-ý, nhưng ngày hôm nay cùng đi không được, đợi bần-tăng thu nhặt những đồ-đạc trong am, ngày mai sẽ đến tonngụ » (chỗ trọ quý của người). Thúy Kiều nghe Giác-duyên nói vậy, mừng lắm, mới thay quần áo đi theo cha mẹ vào thành đến nhà trọ, Kim Trọng gọi người nhà sửa soạn tiệc mừng.

Thúy Vân nhân trước mặt cha mẹ, nói rằng : « Con có một việc muốn bẩm qua cha mẹ ». Vương ông hỏi : « Con có việc gì ? » Thúy-Vân nói : « Kim-lang và Vương-Quan, hai người đều có quan-chức, mỗi người cai trị một địa-phương, không thể cùng đi được, thì việc này phải nên liệu-lý trước, không nên để chậm ». Vương ông hỏi : « Liệu lý việc gì ? » Thúy-Vân nói : « Con sánh đôi với Kim-lang là nguyên khi chị con bản mình làm việc hiếu, không đúng lời thề, cho nên gọi con nối đoạn nhân-duyên ấy. Nay chị con đã muôn phần chết một phần mà được về đây, lời thề còn đó, ngày hôm nay chẳng thực-hiện lời thề ấy, còn đợi đến bao giờ ? » Vương-ông cho lời bàn ấy có lý bảo chọn ngày tốt để thành-hôn, Vương-Quan thưa rằng : « Trong chỗ lữ-thứ, không nên kén chọn. Ngày nay gặp nhau, ấy là giờ lành tháng tốt đấy, xin lấy chén rượu này làm rượu hợp cẩn của anh chị ». Vương-ông nói : « Có lý ».

Kim-Trọng nghe nói, trong lòng xiết nỗi vui mừng. Thúy Kiều vội vàng gạt đi rằng : « Lời thề cũ tuy còn, nhưng thời-thế đã đổi dời, thì những việc ấy cho theo dòng nước chảy, không nên nhắc lại nữa ». Kim-Trọng cãi rằng : « Hiền-thê nói nhầm to. Đã gọi là thề, thì sống chết với nhau. Nay việc đổi tuy đổi thay, mà tình thì không bao giờ biến-cải, Hiền-thê lại coi như nước chảy, là ý làm sao ? » Thúy Kiều thưa : « Lời nói không phải nghĩa thế : ân ái vợ chồng thì ai không muốn, nhưng người con gái đi lấy chồng, phải lấy trung trinh làm quí, vì như mặt gương đang tròn, hoa đang ngậm. Thiếp không may bị thiên ma bắt triết (nghĩa là

(Xem tiếp trang 17)

Việt-nam văn học sử

(Tiếp theo trang 5)

có vài bài tức-cảnh hay để vịnh về việc rông của người Nam, còn thì không bài nào thay nói qua đến sử-ký, phong-tục hay cổ tích Việt-nam.

« Như thế, thì văn Việt-nam phải đóng trong phạm vi hơi hẹp : tư tưởng không được sâu-xa, không bao giờ có văn xã hội, văn-từ và văn-thể không lấy gì làm xuất sắc ; sau hết không có tính cách quốc gia. Chính ngay bản người Nam làm sách cũng không bao giờ cho văn nôm là bộ trọng : ta đừng đi tìm những điều mà người làm văn nôm ấy không để ý đến, mà cũng không nên quên rằng cái văn-tài của người Nam ở chỗ khác. Ở tất cả những sách viết bằng chữ nho, vừa uyển chuyển, vừa bóng bẩy mà lại xuất sắc nữa. Cứ mà quyển thơ nôm hay (như chuyện *Kiều*) cũng ám chứng rằng người Nam có thể đặt ra một thứ văn nôm có giá-trị, nhưng rõ ràng là người Nam không chịu làm bao giờ ... ».

(*Còn nữa*)

Ứng hoè NGUYỄN VĂN-TỐ

ĐÃ CÓ BÁN :

TIẾNG VỌNG SÔNG NGÂN

thi phẩm của bà NGÂN GIANG

Giá : 12$00

Hỏi các hiệu sách hoặc gửi thư về :

Bà ĐỖ-THỊ-QUẾ

44 Hàng-Bông — HÀNỘI

TỪ MINH-TINH CỦA PHAN-LƯƠNG-KHÊ đến thần-chủ của Bùi-hữu-Nghĩa

LÊ-THỌ-XUÂN

Nghe Phan-thanh-Giản tuẫn tiết (1), Nguyễn-đình-Chiểu có làm bài thơ đầu « *Non nước tan tành hệ bởi đâu !* » mà nhiều người lầm tưởng là của Phan làm lúc sắp từ-giã cõi trần. Câu 7 của bài nầy « *Minh sanh* (tinh) *chín chữ lòng son tạc* » làm tôi suy-nghĩ mãi, vì minh-tinh mà chín chữ thì chẳng hợp lẽ chút nào, nhứt là Phan-thanh Giản hay Nguyễn-đình-Chiểu thà chết chớ không chịu rái lễ.

Đánh lòng triệu (minh-tinh), người ta dùng bốn chữ « *quỉ, khốc, linh, thính* » và thế nào cho chữ chót là chữ *linh* nếu người qua đời là đờn ông, hay chữ *thính* nếu người qua đời là đờn-bà.

Chín chữ trong lòng tấm triệu của Phan-thanh Giản mà người đời thường nhắc là « *Hải-nhai lão thơ sanh tánh Phan chí cữu* ». Ta thử đánh :

1	2	3	4	5	6	7	8	9
Hải	*Nhai*	Lã	*Thơ*	*Sanh*	*Tánh*	*Phan*	*Chi*	*Cữu*
Quỉ	Khốc	Linh	Thính	Q.	K.	L.	T.	Q.

Thế là nhằm chữ *Quỉ*, chữ kỵ vì « bất dụng *quỉ, khốc* n] tự ». Ngót mươi năm tìm hỏi, một hôm tôi m y mắn được anh Phan thanh Hoài, người giữ nhà thờ cụ Phan tại Bảo Thạch (Batri), cho coi rương tờ giấy chữ hán mà từ trước tới giờ anh giữ kín. Rất nhiều tài-liệu mà một phần lớn đã đem rình trong quyển « *Phan thanh Giản et sa famille* », xuất bản trong năm 1941. Trong mớ tài liệu quí hóa nầy có hai vật làm tôi vui mừng vô hạn là bài trường thiên của Phạm-phú-Thứ khóc Phan thanh Giản (3) và mấy lời trối của cụ Phan viết trên mảnh hoa-tiên với nét chữ run-run, nhứt là cái nhấn chữ *chi*, cái ngang dưới chữ *cưu* và hai chữ *chi mộ* ngả xiên, chứng tỏ lúc hơi tàn lực kiệt. Ai thấy qua tuồng chữ mà lòng chẳng bất-giác cũng như nét chữ mà run-run !

Theo lời dặn trong tờ nầy thì lòng tấm minh-tinh không phải là chín chữ vì ở trên có thêm hai chữ *Đại-Nam*. Vậy là mười một chữ thành :

1	2		4	5	6	7	8	9	10	11
Đại	*Nam*	*Hải*	*Nhai*	*Lão*	*Thơ*	*Sanh*	*Tánh*	*Phan*	*Chi*	*Cữu*
Q.	K.	L.	T.	Q.	K.	L.	T.	Q.	K.	Linh

Chữ chót đúng vào chữ *Linh*, rất hợp lẽ

Và trọn di-chúc của Cụ Phan vẻn-vẹn có những chữ này :

(hàng bên hữu) 茫蓋請省
若無廢書

(hàng giữa) 大南海涯老書生
姓潛之柩亦以此

(hàng chót bên tả) 哲墓

Phiên ra quốc-âm và chấm câu:

« *Minh-tinh thỉnh tỉnh, nhược vô, ưng thư :*

« *Đại-Nam hải - nhai lão-thư-sanh tánh Phan chi cữu*

« *diệc dĩ thử chi mộ* ».

và dịch là :

« *Xin giảm* (bỏ) *tấm triệu đi, bằng không* (nỡ bỏ hay chịu bỏ), (thì chỉ) *nên viết :*

« *Đại-Nam hải nhai lão thư-sanh tánh Phan chi cữu* », (và) *cũng lấy mấy chữ này mà để ở mộ-bi* »

Minh-tinh thỉnh tỉnh ! Xin bỏ tấm triệu đi ! Đọc xong và hiểu rõ mấy chữ ấy, các bạn có cầm được chăng giọt nước mắt khóc cổ-nhân ? (4)

(*Còn nữa*) *LÊ-THỌ XUÂN*

---

1) Coi bản của Khuông-Việt trong Tri-Tân số 157, trang 3. — Bản chạp di-chúc của cụ Phan có in trong « Phan-thanh-Giản et sa famille » và Đại-Việt tập chí số 1.

2) Các thầy lễ mà tôi gặp đều nói như vậy, nhưng không rõ ở trong sách nào.

3) Bài này bị thứ sán hai đuôi (có lẽ là con nhạy) ăn mất nhiều chữ, phải coi theo bản trong « Giá-viên toàn-tập » mà điền vào. (Coi «Phan thanh-Giản et sa famille », trang 82

4) Nhưng báo Đại Việt số 1 xuất-bản ngày 1er-10-1942 tại Sài-gòn, đăng bài tôi nói về mấy chữ « minh-tinh thỉnh tỉnh, nhược vô, ưng thư », có nhiều vị bài đi cãi lại, nay tôi xin trả lời chung ở đây :

1) Xin đáp lời ông Nguyễn-phan-Long, trong báo « La Dépêche » ngày 10-10-42. — Tiên-sanh nói rằng nếu tiên-sanh không lầm thì chữ tỉnh là giảm bỏ (supprimer) phải có bộ thủy bên tả. Tôi xin biên ra đây vài chỗ có chữ tỉnh là giảm trong sách tàu và ta mà tôi-cờ tôi được gặp :

a) Lễ - ký, « thiên Ngoại - lịnh : Tỉnh linh-ngữ ».

b) Đại-Nam nhất thống chí, quyển 12, trang 3a : « Tỉnh Phan-tang-đạo » ; quyển 10, trang 65 : « Cựu hữu tấn thủ, kim tỉnh » (chữ tỉnh ở chót) ; quyển 9, trang 4 a : « Phù-mỹ huyện diệc tỉnh tri - huyện ». (giảm người).

Cả các chữ tỉnh đó đều không có bộ thủy bên tả. Chữ tỉnh với bộ thủy thì chỉ Khương hi tự-điển và Từ-hải có, cũng nghĩa là giảm, nhưng ít dùng nên không có thí-dụ.

Tiên-sanh bảo chữ tỉnh của cụ Phan có nghĩa là « examiner, considérer, calculer, peser » — Đó là nghĩa thứ nhứt (1) trong Dictionnaire Annamite Français của ông Génibrel ; Nếu lần tới nghĩa số bốn (4) của nó thì ta thấy ông nầy dịch là « diminuer ».

2) Xin đáp lời ông Phạm-văn Điều, trong báo Hạnh-Phúc- 1942.— Tại gian « Lịch sử » trong Hội-chợ Sài gòn vừa rồi, có tờ di-sớ của cụ Phan (do Triều - đình Huế cho mượn) ; thường chữ trong tờ nầy và trên mảnh hoa-tiên kia thật giống nhau.

3) Xin đáp lời ông Nguyễn-văn-Nho trong báo Đại-Việt số 3 (1-11-42). — Chữ viết trong lòng triện mà phải xin phép lồng, lý là một lễ-tục rất thông thường trong Nam (hiện nay cũng thế). Chính cụ Phan-thanh-Giản cũng đã có bài trình với « Đốc, Phiên, Niết » ba vị quan-lớn của tỉnh Vĩnh-long để xin tên « thụy » cho cha.

Luôn tiện, tôi xin nhờ tiên-sanh trả lời giùm với vị đanh-nho kia rằng tôi không dám đối-trả mà đem hai « Đại-khoa » gán cho người thất-học. Hai cụ mà tôi gọi là « hai nhà đại-khoa » đó thì một cụ là giải-nguyên khoa Canh-tí ở trường Thừa và là Hội-nguyên khoa Giáp-thìn, tức là cụ Minh-viên Huỳnh-thúc-Kháng ; còn một cụ chẳng những cũng đỗ đại-khoa mà còn từng làm Chánh-chủ khảo trường Thừa và từng làm ân-sư của bao ông tấn-sĩ (Cụ nầy vị đương nhứt phẩm và sớm đã về hưu để thiệt hành chí nguyện là làm chân thiệu sĩ ở một làng, thường ngày bình văn sửa đổi cho thiên ông cống, ông nghè, nhưng vẫn tự phàn nàn là vì nghèo nên học ít, vì già mà nghiên bút bỏ lâu. Vậy đứng trước đức khiêm tốn đáng kính ấy tôi không được nói rõ tánh danh của cụ). Về chữ « tỉnh » có nghĩa là một khu-vực (để chỉ « quan tỉnh ») thì đôi khi tôi không thấy « phải thêm một hai chữ ở sau như : đường tỉnh, trường. » Ngoài bốn chữ « lục kỳ bảo tỉnh » mà tôi quên ở một quyển Liệt truyện hay Thực lục nào, tôi còn thấy mấy câu nầy : « (...) hữu Thanh phỉ thoán nhị « thập dư xưu bạc Quảng nam Đại « chiếm dự, tỉnh phái Phó quản cơ « Lê văn Hưu tuần dương, dữ chi « ngộ, dĩ chúng quả bất địch, dẫn « khứ (...) chuẩn tiến hành cách « giáo tỉnh tra nghị. » Chỉ có mấy hàng đó trong Thực lục đệ tam kỷ, quyển 30 trang 5b 6a mà có đến hai chữ « tỉnh » trên (không phải tỉnh đường, tỉnh hiến, tỉnh trường) và cả có nghĩa là « quan tỉnh »

4) Xin đáp lời bà Phương Lan nữ sĩ trong Đại Việt số 14 (1er 5-43) và số 17 (16-6-43). — « Xin bỏ minh sanh, nếu không có ai chịu viết như sau nầy (...) ». dường như giống văn phạm Pháp hơn là văn phạm Tàu. Cụ Ứng hòe đã chấm câu và giảng giải lời của cụ Phan rất rõ ràng trong Tri Tân này (và như tôi đã mượn mà dịch ở trên) Mà chính cụ Minh Viên cũng đã giảng như thế trong thư trả lời cho tôi ngày 6-2-42. Cụ còn thêm :

Theo tôi thì chấm câu chỗ chữ tỉnh, chữ vô, được rõ ràng, ngay thiệt dễ hiểu ». — Về mấy câu đối ở mộ cụ Phan có mấy chữ xin đính chính : Giang sơn (không phải giang hà), quán Đầu Ngưu (không phải Khiên Ngưu), sơn hoa đã thảo (không phải thảo dã).

Lữ-ký

HAI THÁNG Ở GÒ ÓC-EO

HAY LÀ CÂU CHUYỆN ĐI ĐÀO VÀNG

Số 4

của Biệt-lam TRẦN HUY BA

Tới làng Vọng-thê

Làng Vọng-thê, thuộc quận Long-xuyên, tỉnh Long-xuyên, làng ở liền chung quanh dẫy núi Ba-thê giáp giới làng Mỹ-lâm thuộc

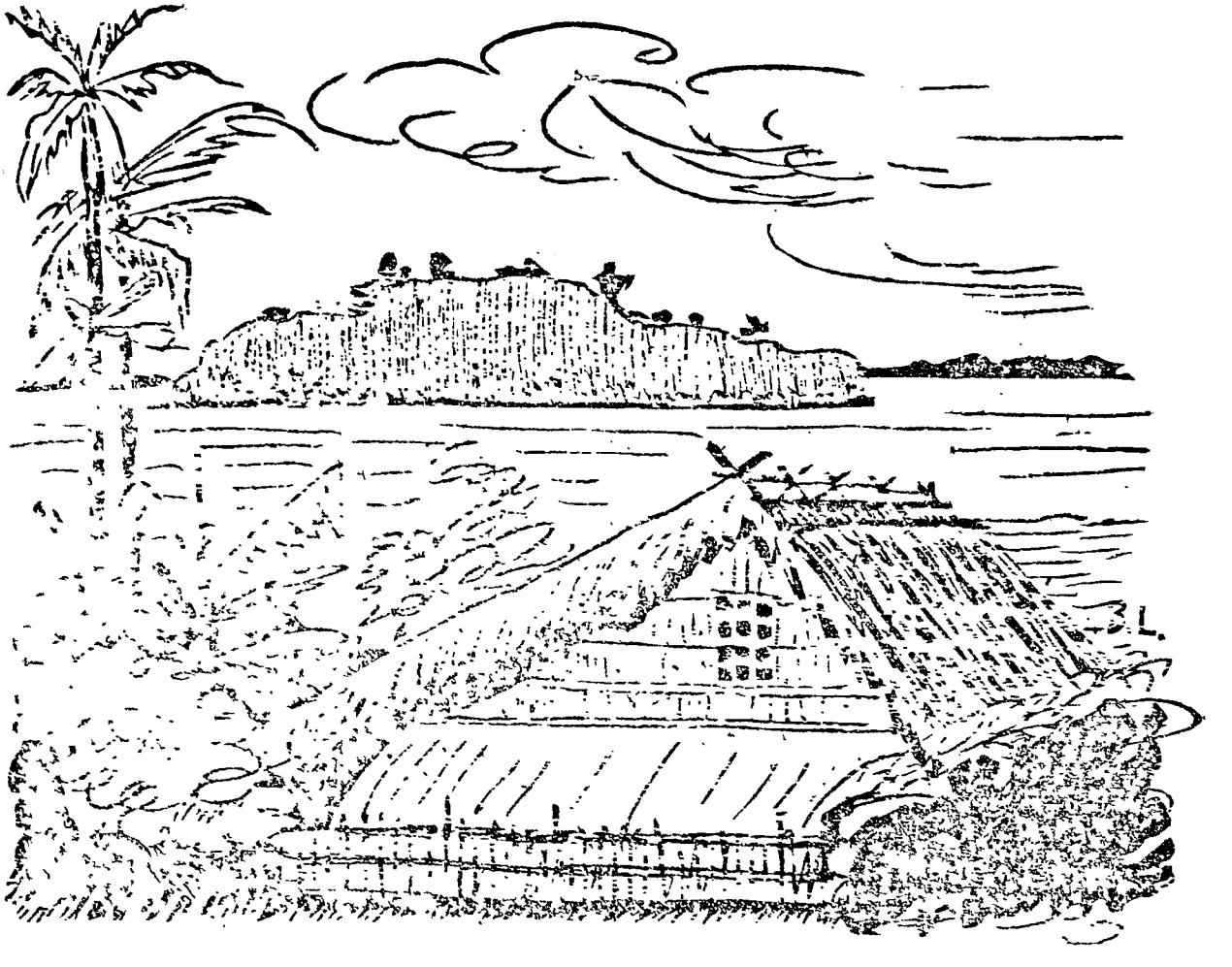

tỉnh Rạch-giá. Có hai đường từ Long-xuyên đi tới: một đường đi ca nốt từ tỉnh qua núi Sập rồi đi ghe tới làng; một đường đi từ Long-xuyên bằng ca-nốt tới cầu số nam thì rẽ vào Kênh Sáng, rồi đi bộ độ 2 cây số thì đến đình làng. Ngày 12-II chúng tôi cũng do con đường này đi tới, vì lối kia nước cạn khó đi. Đình làng làm trên một cái đồi cao độ hơn 4 thước: một cái nhà kiểu mới, chung quanh cửa chớp, trong có 2 cái phòng, một phòng dành cho vị Hương quản, phòng ấy lại ngăn ra một căn nhỏ, có cửa khóa, để tiện giam những tội nhân mới bắt được mà chưa lập biên-bản xong; còn phòng kia để dành cho vị xã trưởng, có cửa sắt để thu tiền thuế, má. Ngoài ba dan rộng thì có đủ bàn ghế tủ để ban Hội-nghị họp hội-đồng. Khi phái-bộ-viện Bác-cổ tới, vì sự cần dùng, nên làng vui lòng, để phái bộ tạm đóng. Ở chính giữa ngôi nhà, bên trên khuôn cửa có một cái ban thờ sơ-sài. bên trên bài-vị thấy đề

chữ « Tiên-sư vị ».

Nhà làng quay hướng Đông-bắc, trước mặt có con sông đào thẳng tuột cho tới núi Sập. Trước mặt nhà làng có một dãy phố toàn nhà gianh, cũng đủ các hiệu bán buôn, như tiệm Café, tiệm bán thuốc bắc, hàng, thợ cạo, hàng tạp hóa cũng khá đông vui ; có 1 nhà trường Pháp Việt và một nhà hộ-sinh. Tuy ở gần núi mà vấn đề nước ăn thì thực là phiền, vì dân ở đó phần nhiều là người đường thổ (Cao - mên), họ chỉ quen khơi những cái vũng con để lấy nước. Nước thì đục như nước hến. Mỗi khi ra gánh nước, họ phải lấy cái gáo mà múc từng bát nước một. Dưới vòm giời nắng như thiêu, phải ngồi đợi lâu giờ, mới được một gánh, thế mà họ không chịu khơi giếng cho sâu, đó cũng là một vấn đề khó hiểu !

Khi chúng tôi tới đó, việc thứ nhất là phải nghĩ đến vấn-đề nước, đại-để như nước ăn và uống thì phải lấy từ Long-xuyên mỗi ngày là hai chính thủy-tinh, đựng được độ 60 lít nước, còn nước tắm rửa thì phải thuê gánh mỗi gánh là một cắc, đổ vào cái chum để thật cao, rồi đánh phèn từ ngày hôm trước, hôm sau nước trong mới lấy vòi cao-su dẫn nước xuống chum bên dưới, rồi bỏ thuốc sát chùng vào, thế mà nước vẫn có chất dính như nhựa vậy.

Trong đoàn phái bộ có bốn nhân-viên, ngoài ra có 15 trai sinh ở các tỉnh Rạch-giá, Long-xuyên Saigon và Cần-thơ. Quan tỉnh Long-xuyên phái về một thầy khán hộ và 10 người lính khố-xanh, tất cả gồm có 30 người. Chương trình hằng ngày đại để như sau :

5 giờ rưỡi sáng, có kèn báo thức, 6 giờ kém 15 sắp hàng chào cờ, rồi lại có kèn báo, ăn điểm-tâm, đúng 6 giờ khởi hành

(Xem tiếp trang 16)

ĐẠI NAM ĐẠT SỰ

Số 54 *Ung-hòe* NGUYỄN-VĂN-TỐ

XXXIII. — Lý công Uẩn
(bài nối)

Tháng tập năm thứ nhất hiệu thuận-thiên (1010), làm xong cung Thúy Hoa ở Thăng-long, bèn đặt lễ khánh hành, và ban chiếu đại-xá. Tha thuế trong ba năm; người nào thiếu thuế từ mấy năm trước mà phải đi trốn tránh, cũng tha cho hết. Ban chiếu kiểm trong nước cho những dân sêu bạt đi các nơi, được về bản-quán sinh-nhai. Hai mươi tám tên mán bị Lê Long Đĩnh (1005-1009) bắt ngày trước, đều cho quần áo, lương ăn và thuốc thang, rồi sai người đưa về bản-thổ. Thả những người huyện Thanh-hà về bản huyện (*Khâm-định Việt sử*, q. 2, tờ 11 b).

Cùng năm ấy đổi mười đạo làm hai-mươi bốn lộ, còn châu Ái (Thanh hóa) châu Hoan (Nghệ-an) thì gọi là trại. Lại đặt một trại ở cửa nam châu Hoan là trại Định-phiên, cho Lý Thái-giai làm trại-chủ. Nguyên đầu Đinh (968-980) chia nước làm mười đạo, nhà Lê, (980-1009) chia mười đạo làm lộ, phủ, châu, nhưng không rõ là bao nhiêu lộ, phủ và châu; đến nhà Lý lại chia làm hai-mươi-bốn lộ, cũng không rõ là những lộ nào (*Khâm-định Việt-sử*, q. 2, tờ 12 a-b).

Năm thứ tư hiệu thuận thiên (1013), định rõ ngạch thuế, theo tờ chiếu trước tha thuế ba năm, đến năm này vừa hết. Ngạch thuế như sau này: một là đầm ao ruộng đất (đầm, trì, điền, thổ); — hai là tiền thuế đất bãi giồng dâu (tang châu tiền); — ba là những vật thổ-sản ở núi nguồn (sơn nguyên sản vật); — bốn là đỏ xét mắm muối ở những nơi cửa ải (quan ải cơ sát hàm diêm); — Năm là sừng tê, ngà voi và các thứ hương-liệu ở miền mán mọi (man lão tê tượng hương liệu); — Sáu là gỗ cây hoa quả ở miền núi (sơn đầu tài mộc hoa quả). Định rõ điều lệ thu nộp, cho các tước vương, tước hầu và công-chúa cai quản, việc thu thuế có thứ tự khác nhau (*Khâm định Việt-sử*, q. 2, tờ 16 a).

Năm thứ bảy hiệu thuận-thiên (1016) trong nước được mùa, lại tha thuế ba năm. Năm thứ chín hiệu thuận-thiên (1018) lại tha một nửa thuế ruộng (*Đại Việt sử ký toàn thư*, q. 2, tờ 8 a-b).

Trên này là những công việc trị dân của Lý Công-Uẩn; đến việc binh, thì năm thứ mười-sáu hiệu thuận-thiên (1025), định ngạch lính cổ tăng giáp: mỗi giáp mười lăm người, lấy một người làm quản-giáp. Lại định chức quản-giáp cấm ngạch. Đổi chức hỏa đầu làm chức chánh-thủ (Lê Quý-Đôn, *Kiến-văn-lục*, chép: «Hỏa-đầu cũng như đội-trưởng nhà Hậu Lê, 1428-1789, không rõ đặt từ đời nào). Con hát (xướng nhi) cũng gọi là quản-giáp. Lúc bấy giờ có người con gái hát họ Đào, sở trường bản-nghệ, thường được triều-đình ban thưởng: người đời ấy mộ tiếng họ Đào, nên con gái đi hát đều gọi là Đào-nương, (*Đại-Việt sử-ký, toàn-thư*, q. 2, tờ 10 a). Đến nay ta hãy còn dùng tiếng «đào-nương» hoặc «ả-đào», «ả-đầu», có lẽ bắt đầu từ đấy, mà hiện nay trong nghề hát hãy còn dùng chức quản-giáp là chùm bọn hát, chứ không phải con hát.

Làm một ông vua có nước, cốt nhất việc trị dân và việc sửa sang binh lính. Xong rồi, đến việc giao-thiệp với các nước láng-giềng. Nối ngôi nhà Lê, (năm 1009), Lý công-Uẩn liền sai viên-ngoại-lang là Lương-nhân-Văn và Lê tái-Nghiêm đem phương vật sang biếu nhà Tống. Các đình-thần nhà Tống có ý vì nhà Lê, định từ chối không nhận, nhưng vua Tống nói: «Họ Lê thay họ Đinh, nay họ Lý bắt-chước; thế thì Lê hay Lý có khác gì», rồi nhận những phương-vật của Lý (*Khâm-định Việt sử*, q. 2, tờ 9 a).

Đến tháng mười-hai năm ấy (1010) sứ Tàu sang đến nơi, phong Lý Công-Uẩn làm Giao-chỉ quận-vương lĩnh tĩnh-hải quân tiết-độ-sứ. Nguyên từ đời Đinh, Lê, nhà Tống sai sứ sang phong, bắt đầu phong chức kiêm-hiệu thái-úy, qua chức tiết-độ, đô-hộ, rồi mới phong đến quận-vương. Từ Lý công-Uẩn bắt đầu được phong quận-vương, sau thành ra định lệ (*Khâm-định Việt-sử* q. 2, tờ 17 a).

Tháng tư năm thứ hai hiệu Thuận-thiên (1011), sai viên-ngoại-lang là Lý Nhân-Nghĩa và Đào Khánh-Văn đem phương-vật biếu nhà Tống. Khánh-văn nhân trốn ở Tàu không về nước, người Tàu bắt được giả vua ta, Công-Uẩn sai lấy gậy đánh chết (*Đại-Việt sử-ký, toàn-thư*, q. 2 tờ 4 b).

Tháng mười hai năm thứ ba hiệu Thuận-thiên (1012), sai thái-

bảo Đào Thạc-Phụ và viên-ngoại-lang Ngô-Nhượng sang nhà Tống để tỏ tình giao-hiếu (*Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, q. 2, tờ 5 a).

Năm Thuận-thiên thứ năm (1014), Man-tướng ở Hạc-thác (cũng là Nam-chiếu) là Dương-trường-Huệ và Đoàn-Kính đem hai mươi vạn quân vào ăn cướp mười châu đồng ở Kim-hoa bộ, sắp đặt dinh quân, gọi tên là trại Ngũ hoa. Chức Châu-Mục ở châu Bình-lâm (tức đất huyện Quảng-uyên, tỉnh Cao bằng bây giờ) là Hoàng-ân-Vinh đem sự trạng tâu vua Lý nghe: vua sai Dực-thánh-vương đem quân đi đánh, phá được, thêm đầu giặc kể hàng vạn, bắt sống được người ngựa không biết bao nhiêu mà kể. Rồi sai viên-ngoại-lang là Phùng-Châu và Lý-Thạc đem một trăm con ngựa bắt được của bọn Man đưa cho nhà Tống. Vua Tống sai sở-tại phái sứ thần để tiếp sứ ta đưa về kinh-đô, và truyền các trạm phải cung đốn cho hậu và đủ. Khi đến kinh, vua Tống triệu Phùng-Châu vào yết-kiến ở điện Sùng-đức, ban cho mũ đai đồ đạc và tiền lụa (*Đại-Việt sử ký toàn thư*, q. 2, tờ 6 b)

Đến năm thứ bảy hiệu Thuận-thiên (1016) vua Tống sai sứ sang phong Lý Công Uẩn làm Nam-bình vương.

Tháng sáu năm Mậu-ngọ (1018) Lý Công Uẩn sai viên-ngoại-lang là Nguyễn-đạo-Thanh và Phạm-Hạc sang nhà Tống xin kinh *Tam tạng* (chữ phạm gọi là Tripitaka). Đến tháng chín năm Canh-thân (1020) bọn Nguyễn-đạo-Thanh đi sứ về, được kinh *Tam-tạng*. Công Uẩn sai tăng-thống là Phi-Trí sang Quảng-tây, đón về, để ở Đại-hưng tạng, nhà chùa kinh ấy là Đại-hưng (*Khâm định Việt sử*, q 2, tờ 20 a

Năm Tân-dậu (1021) sai viên-ngoại-lang là bọn Nguyễn khoan-Thái, Nguyễn tuấn-Cương sang nhà Tống dựng kinh-tạng nhà chùa kinh kiểu bát giác (*Đại-Việt sử-ký toàn thư*, q. 2, tờ 9 a).

Thế là trong đời Lý Công Uẩn đối với nước Tàu, rất là hòa-hảo, còn về việc ra oai để phục các nước nhỏ, và dẹp yên để yên trong nước, thì có những việc sau này:

Rợ Cử long (tức là huyện Cẩm-thủy, tỉnh Thanh-hóa bây giờ) cậy có địa hiểm, từ Đinh, Lê trở lại vẫn không chịu phục, đến năm 1011 lại càng hoành-hành. Lý Công Uẩn tự làm tướng thân đem sáu quân đi đánh, bắt được những đứa đầu sỏ tới về, rợ Cử long từ bấy giờ mới dẹt (*Khâm định Việt-sử*, q. 2, tờ 13 a).

Năm Nhâm-tý (1013) người phủ Diễn-châu làm phản Lý Công Uẩn thân trinh, dẹp được. Quân về đến cửa bể Biện, mưa gió tối tăm, sấm chớp nổi dậy quân-chúng đều sợ chết. Công-Uẩn đốt hương khấn Giời rằng: « Tôi là người đức mỏng, lạm ở trên thần dân, lúc nào cũng vẫn nơm nớp như sắp ngã xuống vực sâu, có dám cậy binh-cái mà đi đánh bừa đâu: chỉ vì người phủ Diễn-châu không theo giáo-hóa, nên bất đắc dĩ phải đi đánh. Trong khi nổi tên hòn dạn, thế nào cũng hại lây đến lương-dân, cho nên Giời-thần giận-dữ, để tỏ tội lỗi: tôi tuy bị chết, cũng không phàn nàn. Nhưng sáu quân vô-tội còn có hồ tha-thứ ân huệ để hồi tâm soi xét » (*Khâm định Việt sử*, q 2, tờ 15 b) chép rằng: « Khấn xong, gió mưa tạnh ngay, sấm hớp thôi tắn ».

Trước khi ấy người mán Hạc-thác đến châu Vị long (tức là châu Chiêm hóa bây giờ) cướp trác, Công Uẩn sai người đi bắt, được hơn vạn con ngựa. Năm 1013, chức châu-mục châu Vị-long là Hà-trác-Tuấn làm phản, phụ theo bọn Mán: Công Uẩn thân hành đi đánh Hà Trác Tuấn sợ trốn chạy (*Khâm định Việt-sử*, q. 1, tờ 16 b).

Đến tháng hai năm Ất mão (1015), Hà Trác Tuấn lại lấy các châu Vị long, Đô Kim (nay là tổng Đô-kim, huyện Hàm yên, tỉnh Tuyên-quang), Tương tân (không rõ ở đâu) Bình nguyên (tức là châu Vị xuyên tỉnh Tuyên quang bây giờ) cùng làm phản. Công-Uẩn sai Dực thánh vương và Vũ đức-vương, đi đánh, bắt được Hà-trác-Tuấn đem về kinh sư, bắn dầu ở đông-thị (chợ đông) (*Khâm định việt sử*, q. 2, tờ 18 b).

Tháng mười-hai năm canh-thân (1020), Lý Công Uẩn sai Khai-thiên-vương và Đào-thạc Phụ đem quân đi đánh Chiêm-thành ở trại Bố-chính, (nay là ba huyện Bình-chính, Minh-chính, Bố trạch, tỉnh Quảng-bình), thẳng đến núi Long-tỵ (về địa phận xã

(*Xem tiếp trang 20*)

Thống-chế Pétain đã nói:

Hỡi quốc dân Pháp, các người hãy làm bền lộ tinh thần của giống nòi bằng lời nói, cử chỉ, cách làm việc tài sáng kiến và chí phát minh.

HAI THẮNG Ở GÒ ÓC-EO

(Tiếp theo trang 13)

ra gò Óc-eo, thì vừa 7 giờ, làm việc cho tới một giờ chiều mới nghỉ. Tới giờ, lính kèn báo hiệu, các cu-li chừng 40 người đều sắp hàng để chào cờ rồi mới giải-án. Về tới nhà hàng đã hơn 2 giờ, ăn uống nghỉ ngơi chút ít, 5 giờ vào ổ biên tên các vật đã đào được trong ngày hôm đó; 7 giờ, chào cờ rồi ăn cơm chiều; 9 giờ rưỡi kèn báo đèn đi ngủ.

Vị-trí của gò Óc-eo

Gò Óc-eo thuộc địa-phận làng Mỹ-lá tỉnh Rạch-giá, giáp giới làng Vọng-thê tỉnh Long-xuyên, ở về phía đông-nam núi Ba-thê độ hai cây số. Một cánh đồng bát ngát nhấp nhô có mấy cái gò cao, nhất là gò Cây-thị, vì có bóng cây, lại cao hơn cả, nên được người ta đem trâu bò lại cột ở để trông vụ nước lớn hằng năm. Đã vài bảy năm nay có một người thợ cày ở Vọng-thê, nhân khi cày ruộng, lúc lưỡi cày chạm vào một vật cứng, người ấy bới ra xem, thì là một pho tượng ở trong một cái khung dài độ 20 phân; khi rửa sạch đất thì ra bằng vàng, người đó đem về nhà để thờ được ít lâu, thì bị kẻ trộm lấy mất. Từ đó người ta đồn đại xôn-xao, rồi kẻ kiếm được vật này, người lượm được đồ kia, thứ tượng bằng vàng, thứ tượng bằng ngọc-thạch.

Cứ theo như dân vùng ấy thuật lại, thì trong vài năm nay, họ đã lượm được rất nhiều đồ quý báu, nên cứ đến kỳ nước lớn, thì thiên hạ kéo đến tìm vàng, mỗi ngày có hằng nghìn cái ghe; số người lặn nước mò vàng, có tới vài ba nghìn người: người được thức nọ, kẻ được thức kia, có kẻ mò cát sú lên đãi được những cục vàng như hột kê hột đậu. Mỗi ngày có người một ngày được dám bảy chục, một trăm; có người không may được nắm ba hào đồng bạc, không mấy người phải về tay không. Đến nỗi hàng quà bánh, kẻ bán người mua, những đồ lượm được, đã thành một cái chợ to; ghe thuyền tụ họp rất đông vui. Có cả mấy hiệu vàng bạc ở các nơi, kéo về, nghiễm nhiên mở hàng để mua những vàng mà dân đãi được, họ mua được hươu vàng, rùa vàng, tượng vàng, kềng vàng, nhẫn vàng, đồ ngọc thạch trạm trổ tinh vi, hột cườm bằng mã-não, thủy-tinh, toàn đồ quý-vật. Vì thế nên một cánh đồng bề dài độ 4 cây số, bề ngang độ 2 cây rưỡi, đã bị bọ đào thành từng lỗ sâu nông, như cánh đồng bị bom đạn phá. Họ đào bới tứ tung, mà chỗ nào cũng được, chẳng nơi nào thì ít. Tứ-phương đồn đại, người ta lại càng kéo đến nhiều hơn.

Về phương-diện khảo-cổ, đây tôi chưa dám nói đến, xin để sau này các nhà thông-thái khảo-cứu tìm tòi, bấy giờ sẽ có sách vở hình-ảnh và đồ bản phác-minh, thì sự nhận xét mới được chu đáo. Đây tôi bấy ra lược-cử một vài điều do ông Chánh đoàn chỉ dẫn cho hay:

Cứ theo như nhời ông Malleret, chánh đoàn Pháp-hộ khảo-cổ, đã tuyên-bố, thì những đồ vật tìm thấy ở vùng Óc-eo này có lẽ thuộc phạm vi của nước Fou-nan (Phù-nam) vào hồi thế-kỷ thứ tư, thứ năm sau T. L..

(Còn nữa)

Biệt-lam TRẦN-HUY-BA.

Cabinet dentaire
DƯƠNG-MINH-ẤP
chirurgien dentiste
Consultations au
8 Avenue Puginier — HANOI

CHI NHÁNH VĨNH YÊN của hội Truyền bá quốc ngữ

Tỉnh Vĩnh yên mới thành lập chi nhánh hội Truyền bá quốc ngữ.

Hôm chủ nhật 24-12-44 vừa rồi chi nhánh đã tổ chức một ngày vui rất trọng thể để cổ động hội viên và học trò.

Cụ chánh hội trưởng ban trung ương có lên diễn thuyết được nhiệt liệt hoan nghênh.

Chi nhánh Vĩnh yên đã bầu ban trị sự tạm thời: quan Thương tá Vũ như Trác làm chánh hội trưởng và cụ nguyên đốc học Trần lê Nhân làm phó hội trưởng.

Trong ban trị sự của chi nhánh còn có nhiều bạn thanh niên rất hoạt động và sốt sắng với việc chống nạn thất học. Hiện toàn ban đang hoạt động miết để chóng đi tới kết quả mỹ mãn.

Chúng tôi tin rằng chi nhánh Vĩnh yên của hội Truyền bá quốc ngữ sẽ được hàng tỉnh hoàn toàn tín nhiệm và ủng hộ nhiệt liệt để mau chóng ánh sáng của hội tới các nơi hang cùng ngõ hẻm.

PHẠM-MẠNH-PHAN

Tài liệu để đính chính...

(Tiếp theo trang 9)

mài, trăm lần bẻ) như hoa đã tàn giăng đã khuyết, lại còn muốn trang-điểm làm tân-nhân để sánh-đôi với quân-tử, đối với trong lòng, chẳng hổ thẹn lắm ru! Làm cái kế của thiếp bây giờ chỉ có trường-trai niệm Phật để yên-ủi lòng thương của cha mẹ. Nếu chàng cố kết nhân-tình, xin làm bạn tâm-giao mà thôi. Còn việc ấy thực khó vâng lời». Kim-Trọng cãi rằng: «Hiền thê nói như thế, lại càng nhầm to. Phàm trinh-tiết của người con gái, có khi lấy việc «không thất thân» làm trinh-tiết, có khi lấy việc «nhục-thân» làm trinh-tiết vì là có lúc thường có lúc biến. Hiền thê sở dĩ thân bị nhục, là gặp phải lúc biến, mà làm việc hiếu-công như hoa sen, tuy bị ở dưới bùn mà không nhuốm. Ngày nay gặp nhau, có thể gọi rằng: «hoa tàn mà lại nở, một giăng đã khuyết mà lại tròn. Hiền-thê lại còn hiềm nghi gì, mà nỡ coi như chàng Tiêu ở giữa đường». Vương-ông Vương-bà đều bảo: «Hiền-tế nói có lý». Thúy-Kiều từ-chối không được. Vương-Quan và Thúy-Vân cùng khuyên dỗ.

Thúy-Kiều ngẫm-nghĩ hồi lâu, rồi nói rằng: «Kim-lang đã một lòng thành-thực, mà cha mẹ các em lại một mực nói vun vào, nếu tôi cứ một mặt chối-từ, thành ra kiều-tình. Nhưng nghĩ kỹ ra, thì việc duốc hoa không dám trái, việc chăn gối vẫn xin theo, còn đến việc mây mưa vũ-giáp, thì thân thiếp đã chán-chường, nếu chàng cố ép tức là sỉ thiếp, nhục thiếp đó. Thiếp quyết không dám vâng lời». Kim-Trọng mừng, nói rằng: «Đã được vui hoa-chúc, lại cùng gối chăn thế là mãn-nguyện rồi, không dám cầu gì nữa». Vương-ông Vương-bà bảo hai người cùng lạy giời đất. Lạy xong, cả nhà đưa vào động-phòng để hai người uống rượu hợp-cẩn rồi mới lui ra.

(Còn nữa)

Ứng-Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Xuân TRI-TÂN

(ẤT-DẬU 1945)

Thời tiết tuần hoàn, mỗi năm có một lần xuân.

Theo lẽ tuần hoàn của vũ-trụ, Tri-Tân mỗi năm cũng ra một số xuân để hiến các bạn đọc thân-mến một món quà Tết.

Xuân ất-dậu (1945) này, các bạn sẽ thấy những cây bút đứng đầu khắp ba kỳ trên tờ Xuân Tri Tân với những bài rất công-phu về khảo-cứu, nghệ-thuật, và văn chương.

Xin tạm kể mấy mục:

Thơ: Các bà Vân-Đài, Ngân-Giang, Cẩm-Lại, Mộng-Sơn, Hương-Bình, Tịnh-Dế, cô Mộng-Tuyết, v. v.

Sử học: Ứng-Hòe Nguyễn-văn-Tố, Hoa-Bằng, Trúc-Khê, Biệt-Lam Khuông-Việt, Mẫn-Khánh, Thọ-Xuân, v. v.

Văn học: Tiên-Đàm, Nhật-Nham, Cách-Chi, Khái-sinh, Kiều Thanh-Quế, Tam Gia, v. v.

KỊCH NGẮN
CHUYỆN NGẮN
PHÓNG SỰ NGẮN
CHUYỆN NƯỚC NGOÀI
của
Giản-Chi
Lê Văn Ngôn,
Phạm Mạnh-Phan
Nguyễn-Huy-Tưởng
Phan - Văn - Hùm
MỸ - THUẬT
Hai họa-sĩ Trịnh-Vân Nguyễn Văn-Tỵ

Giữa lúc thời buổi khó-khăn này, Tri-Tân, rất mong làm bài lòng các bạn đọc trong số Xuân ất-dậu (1945).

Tri-Tân rất hoan-nghênh những giai-tác ở ngoài gửi đến để giúp cho số Xuân Tri-Tân càng thêm xuân sắc.

TRI-TÂN

Góp vui

MỘT CUỘC SĂN HÀNG LÂU

Câu chuyện sau đây xảy ra giữa một đêm hè, tại miền thượng-du Bắc kỳ, đến nay kể đã được vài năm.

Hồi đó tôi được nghỉ phép hai ngày, lẽ-ng tự chưa biết nên đi đâu chơi. Chợt nhớ ra rằng tuần lễ trước anh Paul, bạn tôi, có gửi cho tôi một bức thư, mời tôi lên chỗ anh ở để cùng nhau đi bắn thú rừng. Trong thư bạn tôi khẩn khoản bảo tôi nên cố mà lên ngay vì không những cuộc săn bắn sẽ được tổ chức chu đáo, có đủ khí giới, vật dụng và kể theo hầu, mà kể về thú rừng thì miền đó lại càng sẵn lắm.

Đọc đi đọc lại bức thư, tôi không còn ngần ngại nữa. Một mặt đánh giây thép báo trước, một mặt sửa soạn hành lý, ngay tối sau tôi lên chơi với Paul.

Paul là một viên chức nhà Thương-chính, làm « Chánh-đoàn » coi một đồn nhỏ trên mạn ngược.

Gặp Paul ở trụ-sở, tôi và anh tay bắt mặt mừng, chuyện-trò rất vui-vẻ thân mật. Sau một vài câu chuyện, Lỗng Paul kéo tôi ra một góc, dưới mái-hiên, nói nhỏ vào tai tôi, tỏ-ng như không muốn cho ai, ngoài anh với tôi, biết rõ được những điều sẽ nói. Paul bảo tôi: « Tôi mời anh lên đi săn nhưng hiện nay trên này biểm thú rừng lắm, đến phải về không mất thôi. Vậy tôi muốn hiến anh một cách tiêu khiển lạ hơn. Một tên chỉ-điểm vừa mới mật báo cho tôi biết rằng trong đêm hôm nay sẽ có một tụi buôn lậu ba đứa, mỗi đứa mang tới sáu cân nhựa đi tắt qua khu rừng gần đây. Nếu anh muốn chứng kiến cuộc đón bắt chúng, mời anh sửa soạn đi theo tôi. Kể ra cũng hay hay ».

Những cuộc gặp gỡ của « Nhà Đoan » và những người buôn lậu giữa khoảng đồn trường quãng vắng thường bao giờ cũng bi hiểm gay-go nên bạn tôi vừa nói rứt, tôi đã vui lòng nhận nhời ngay. Sau khi thăm tỉnh lỵ, dùng cơm trưa và ngủ một mạch đến bốn giờ chiều, chúng tôi sửa soạn lên đường và bạn tôi bảo trước rằng chắc chắn là xuốt đêm hôm nay không một ai trong bọn được chợp mắt.

Đúng năm giờ chiều khởi hành. Chiếc xe hơi của nhà Đoan, một kiểu xe du lịch PEUGEOT có thể đổi thành xe vận tải, có nhiều chỗ ngồi rộng rãi, bắt đầu mở máy chạy. Trên xe có tất cả năm người.

Paul lái xe. Tôi ngồi cạnh anh. Phía sau là ông phó Đoan R..., một người lính đoan và bác tài-xế. Bác tài vì ở đường ngược lâu ngày nên mắc chứng sốt rét ngã nước lúc đó đang lên con sốt, không lái được xe nhưng cũng đi theo chúng tôi để coi xe những khi cần đến.

Tôi đưa mắt nhìn các bạn đồng hành, từ đầu đến chân. Những nhân viên nhà Đoan dự cuộc « viễn chinh » đều gọn gàng trong bộ y phục vải vàng, chân đi dép da mầu nâu, đầu đội mũ bọc vải vàng, quần ống dài, bó chặt nơi mắt cá chân, nơi thắt lưng gài súng lục và đeo đèn băm. Không có một ai gì là mầu trắng.

Tôi hỏi ông R... rằng tại sao không dùng quần cộc cho tiện thì ông trả lời rằng mặc quần cộc thì mát bơa quần trùng nhưng lại bị muỗi rừng và vắt đốt.

Các bạn tôi trông có vẻ bình tĩnh, hình như họ coi công việc họ sẽ làm là thường lắm. Họ đã từng thức xuốt sáng, họ đã từng gặp những lúc mà tính mạng như nghìn cân treo sợi tóc, nên không một ai trong bọn tỏ vẻ bối rối cảm-động.

Dọc đường, tôi mới biết rằng tụi buôn lậu sẽ qua chỗ chúng tôi mai phục vào khoảng từ nửa đêm đến hai giờ sáng. Sở dĩ chúng tôi phải đi sớm để đón đường và phải chờ đợi lâu là vì nếu để đến đêm mới đi thì ánh đèn pha ô-tô sẽ làm cho chúng nghi ngờ thành ra hỏng việc.

Chưa từng gặp nguy-hiểm bao giờ, tôi thấy nóng lòng sốt ruột và nhiều lúc tôi tự trách tôi sao lại mua cái khổ vào thân mà đi theo họ làm gì...

Xe chạy trên đường, giữa hai bên đồi núi có cây cao bóng mát, cỏ mọc rậm rạp. Tiếng máy kêu đều đều, êm, dài như du ngủ. Sau

khi chạy được sáu mươi cây số, xe bỗng dừng máy bên một chiếc cầu nhỏ xây bằng si-măng. Mọi người cùng xuống. Bác tài lúc đó đã hết cơn sốt, lên ngồi cầm tay lái. Paul bảo bác quay xe, một mình trở lại, đánh xe vào một làng gần đấy độ mười hai cây số mà đợi chúng tôi.

Chiếc xe quay mũi. Tôi nhìn theo xe chạy chỏ đến khi khuất, trong dạ bồng khuâng như nhớ tiếc...

Paul dẫn cả bọn chúng tôi đi xuống mé gầm cầu. Cầu bắc qua một cái lạch nhỏ. Lúc đó vào khoảng sáu giờ rưỡi chiều. Trời đẹp lắm, hình như cũng tựa chúng tôi.

Sau lời đề-nghị của ông Phó Đoan R... cả bọn chúng tôi sùm nhau lại khiêng một đoạn thân cây rồ thụ đồ gần đấy, đem đặt xuống dưới chân cầu để làm ghế ngồi vì những vũng nước đọng dưới gầm cầu khiến cho không tài nào đứng lâu nơi bùn lầy được.

Chúng tôi giở bánh ra ăn nhưng không quên cắt nhau mỗi người ra canh một lúc để dò xét động tĩnh và đề phòng sự bất trắc.

Bốn bề lặng ngắt như tờ. Người lính đoan báo trước cho chúng tôi biết có người lạ qua cầu. Một bác tiều phu một mình bước chậm trên chiếc cầu nhỏ. Những bước chân nặng nề kéo lê trên sàn si-măng khiến chúng tôi thấy thời-giờ kéo dài, một phút xem bằng một thế-kỷ. Chính bác tiều phu chất phác cũng không ngờ rằng dưới chân bác, có những ai.

Đợi đã gần được một giờ mà vẫn chưa thấy động. Một vài người trong bọn tôi bị muỗi đốt đang cầu nhàu, rồi lại im ngay.

Rồi đêm đến, giời bắt đầu đổ mưa. Trước còn mưa nhỏ, sau mưa như trút, mưa to như đổ cống nước, không thể tưởng tượng được. Dưới cầu, nước trong lạch bắt đầu dâng, mỗi lúc một cao, cuốn mạnh những cành cây khô, những xác chuột chết và không biết bao nhiêu thứ gì khác nữa.

Đêm tối đen đặc bao phủ mọi vật. Mưa vẫn mỗ lúc một to. Không một ai trong cái bọn tôi lé răng chan vẫn.

Cho mãi đến khi nước dâng lên tới ngực, dòng hư sắp lôi cuốn chúng tôi đi, chúng tôi mới chịu rời chỗ đứng mà ngoài người ra bíu chặt lấy mô đất nơi đầu cầu, trông về phía tụi buôn lậu sắp tới mà rình đợi trong khi dưới chân nước vẫn ào ào chảy siết. Thời-giờ qua. Đợi đến hai giờ rưỡi sáng bỗng qua những hạt mưa mau, chúng tôi nhận thấy một điểm sáng nhỏ lì tì tiến về phía chúng tôi. Một hiệu còi khẽ báo cho chúng tôi biết rằng ông Phó Đoan R... và người lính đoan cũng đã trông thấy rồi.

Paul bảo nhỏ tôi: «Đứng im nhé, đi-ch rồi, chúng nó đến đấy». Rồi chúng tôi yên lặng mà đợi, mắt dán vào cái điểm sáng, trong khi trống ngực đồ hồi. Chúng tôi không khác gì những ác thú rình mồi.

Bỗng vụt một cái, Paul, ông R.. và người lính đoan đã nhảy vọt lên trên cầu, bấm đèn điện, ánh chiếu sáng lòa và tôi được mục kích một cảnh tượng mà có lẽ không bao giờ tôi quên được.

Hai phe: «nhà đoan» và «buôn nhựa» đang hỗn chiến dưới trời mưa, giữa ánh sáng chói lọi của mấy ngọn đèn bấm.

Tôi đứng ngây người ra mà nhìn. Rồi tôi thấy Paul đấm vào hàm một tên buôn lậu, đấm mạnh đến rồi tên đó ngã lăn xuống bùn, văng ra xa đến ba bốn thước. Vì dùng sức quá mạnh nên Paul trượt chân cũng ngã sõi ra nốt. Ông R.... chạy vọt ra phía tên bị Paul đánh ngã mà ghì chặt lấy nó!

Paul nhỏm dậy, rọi đèn về phía ông R... Tôi rợn tóc gáy khi thấy tên buôn lậu bị ông R.. ôm chặt đang dùng ám khí để định hoạt thác. Nằm dài dưới đất tên đó luồn dưới, bụng ông R. một lưỡi dao găm sáng loáng dài tới bốn mươi phân.

Paul nhảy sổ về phía ông Phó đoan R.., vặn tả tay tên cướp bạo mà đoạt lấy khí giới.

Mưa đã tạnh. Paul và người lính đoan đượt theo hai tên buôn lậu khác, nhưng chúng đã nhanh nhẹn mà tẩu thoát qua rừng. Từ lúc đầu đến lúc cuối, cuộc hỗn chiến không đầy nửa phút.

Tên buôn lậu bị bắt là một tên Khách cao lớn. Khám người không có gì, nhưng khi lần đến những túi trong áo gi lê thì thấy ước chừng tới sáu cân tây nhựa thuốc phiện chưa nấu, đặc sền-sệt, mầu nâu sẫm, tiết ra một thứ mùi nặng, làm cho ai nấy đều lợm giọng nhất là lúc đó chúng tôi lại mệt và đói.

Ông Phó-Đoan R... lấy café đựng trong bầu nước ra mời mọi người. Chúng tôi tu từng hớp cà-phê, rất ngon lành khoan khoái. Paul lấy thuốc lá ra cho cả bọn cùng hút. Cử một điều mà tôi lấy làm ngạc nhiên là ông R.... cho cả tên «tù-binh» của chúng tôi

được uống vài hớp café, nhấp một ít rượu mạnh và hút điếu thuốc lá.

Ông R.... bảo tôi: « Ấy tính tôi cứ thích đối đã tử tế với tụi buôn-lậu sau khi chúng bị thất cơ. Thường lắm khi vì thế mà tôi thu được những tên chỉ điểm lành nghề. »

Chúng tôi đi bộ mười hai cây số để đến chỗ để xe - hơi, ai nấy đều mong cho chóng đến nơi vì ở vùng này dân chúng có nhiều kẻ a-dua với tụi buôn lậu thường hay tìm cả h đánh tháo cho chúng. Họ không ưa gì nhà Đoan.

Nhận thấy chiếc xe PEUGEOT đỗ trước một hàng cơm đầu làng, cả bọn chúng tôi đều reo mừng sung sướng.

Tại chú. q ần áo, đem hơ cho khô và cùng cái bạn đồng hành, chúng tôi nống nước chè nóng pha đường cho lại sức...

Ngay chiều hôm xảy ra cuộc hỗn chiến, khi Paul và tôi bước vào Câu lạc bộ nơi tỉnh - lỵ, một cô rất xinh tươi nhẹ nhàng âu-yếm trách Paul sao hôm trước không cùng đi với cô xem một người biểu diễn « quỷ - thuật ». Bạn tôi trả lời một cách rất tự nhiên: « Hôm qua tôi bận có tí việc sở. »

Bận việc sở! Đánh nhau ngay. hiểm như thế, đợi chờ vất vả như thế mà chỉ nói gọn thon - lỏn là « việc sở », thật là quá gớ...

Và từ đấy, gần những viên chức ấy, tôi cam thấy trên đời này vẫn còn có những người hiểu nhiệm-vụ, không quản đến tính mệnh trong khi làm phận sự mà không cần cho một ai biết, một ai hay.

Georges BORVET

(Nguyên văn đăng ở báo Hanoi Soir ngày 3-10-42 Bản dịch của *NGUYỄN HUYỀN TĨNH*)

BIA VĂN MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 106

Ưng-hoè NGUYỄN-VAN-TO

Bài văn bia khắc tên các ông tiến-sĩ khoa mậu-dần (1518) năm thứ ba hiệu Quang-thiệu đời Lê Chiêu tông (Quang-thiệu tam niên, mậu - dần khoa, tiến-sĩ đề danh ký) dịch nghĩa như sau này :

« Đặt khoa thi để lấy học - trò, là phép sẵn của đế-vương làm cho trong nước được trị ; dùng người hiền không cứ một lối, là đạo trung dung, xưa nay không đổi-dịch. Tôi từng xét nghiệm rằng : Dùng vào quốc-chính nhà Hạ, đều là quan cũ vua Ngu ; kén vào vương-đình nhà Thương, đều là thần-hiệu vua Hạ ; làm tướng giường cột ở triều-đình nhà Chu, là những kẻ sĩ nhà Ân ; được làm tể phụ ở nhà Tống, đều là cựu-thần hậu-Chu. Vậy thì cái phép lấy học-trò ở nhà Ngu nhà Chu là đúng mực, đến nhà Tr ệu Tống thì thịnh-hành, mà cái đạo trung-dung dùng người hiền không cứ một lối, đời xưa đã có, lại thấy ở ngày nay.

« Thánh-triều ta, lồng-lộng mở vận, thánh thánh giới truyền. Thái-thượng-hoàng (tức Mạc Đăng-Dung) vâng mệnh giời có nước, đầu đặt khoa thi để lấy học trò. Thánh thiên-tử (Mạc Đăng - Doanh) tôn nho trọng đạo, sửa-sang học-hiệu để nuôi hiền tài. chế-độ đổi mới hết, quy mô rất rộng xa. Sai quan hữu-ty, kiểm xem các khoa thi triều trước, về việc khắc tên các ông tiến-sĩ, khoa nào đã có bia mà vỡ hoặc sứt mẻ, thì dựng bia lại ; khoa nào chưa có bia, mà nên khắc bia, thì dựng mới ; rồi sai từ-thần chia nhau soạn văn bia, để tôn trọng đạo nho là đạo đáng trọng, mà làm đủ những việc đời trước chưa đủ, rất là thịnh - ý. Tôi lạm dự thị - tụng, giữ việc văn bút, kính cẩn xét tiền - triều từ năm nhâm tuất (1442) là năm thứ ba hiệu Đại-bảo (Lê Thái tông) mở khoa thi, hoặc sáu năm một lần thi, hoặc năm năm một lần thi, chưa có lệ nhất định. Từ khoa quí-vị (1463) năm thứ tư hiệu Quang-thuận Lê Thánh-tông) trở về sau, mới định ba năm một kỳ thi, cùng với hội-đồng nhà Minh, đều lấy năm tý, ngọ, mão, dậu làm thi hương, năm thìn, tuất, sửu, mùi làm thi hội. Duy năm thứ ba hiệu Quang-thiệu là năm mậu-dần mà có khoa, là vì năm thứ hai chính là khoa đinh - sửu, nhưng lúc ấy có việc (1) đến năm sau (1518) mới cử hành, treo bảng thi học-trò, được mười bảy người đỗ : ba ông đệ nhất giáp, tiến-sĩ cập-đệ, là bọn Ngô-miễn-Thiệu, sáu ông đệ nhị giáp, tiến-sĩ xuất thân là bọn Lại - kim - Bảng, tám ông đệ tam giáp đồng tiến-sĩ xuất thân là bọn Nguyễn-Độ, hiện nay (1536) đều làm quan ở triều-đình, dần dần đại dụng. Có người giúp vào chính-sự lễ, nhạc, binh, hình, có người giúp vào chức chân tay tai mắt, có người kiêm quản-các, giáp việc thuyên hành (cầm cân nẩy mực), có người ngồi ở hiệt khanh giữ việc can ngăn, có người phó đại chính ở nơi

phương-diện, có người cầm khuôn-phép ở ngoài đài. Ôi! tiến-sĩ khoa này, sau khi bảng vàng treo tên, đến nay đã hai mươi năm, mới được khắc tên vào bia đá, được ơn vua phấn-sức vẻ-vang, tưởng-lệ xác-đáng, hầu lấy gì để báo đáp, tất phải cùng nhau gắng-gỏi, hết lòng trung-thành, như gương lau bụi, như gươm mài sáng tiết, bền như cột gạch, nết-rằng như đá mài, khí-khái lỗi-lạc, thanh-danh lẫy-lừng, làm viên ngọc mộc, làm hòn vàng sống, làm thuốc đan sa rất hay, để chống đỡ hoàng-gia, đặt thiên-hạ vào chỗ yên như thái sơn bàn-thạch. Nếu vậy thì đá này tên ấy, nặng đằng muôn cân, càng lâu mà càng không thấy mòn. Không thế, thì ngoài ngọc trong đá, danh với thực không ăn nhau, đời sau sẽ trỏ vào bia đá mà nghi ngờ! Tại sao? Danh là khách của sự thực, sự thực là chủ của danh: có danh có thực, thì sự thực còn mà danh càng trọng; có danh không thực thì sự thực không còn, mà danh sẽ nhẹ đi. Tôi xin lấy câu ấy để khuyên người có tên khắc trên bia đá này, và tự khuyên mình.

« Còn như các quan đề-đốc độc-quyền, giám-thị, chức tước và họ tên, khắc cả ở sau bia. Tôi kính cẩn viết bài lý này.

« Chức đặc-tiến kim-tử vinh-lộc đại-phu, Lễ bộ thượng-thư, kiêm đồng các đại học-sĩ, Đạo-xuyên bá trụ quốc, là Nguyễn-trí-Thái phụng soạn. — Thông-chương đại-phu, trong thư giám cung-tự tự-chuẩn khanh là Vũ (không rõ tên) phụng thư Thông-chương đại-phu, kim-quang-môn đãi-chiếu, tư-chính khanh, là nguyễn (không rõ tên) phụng triện.

« Bia dựng mồng năm tháng giêng năm thứ 7 hiệu Đại-chính (1536) đời Mạc Đăng-Doanh. »

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

---

1) Năm đinh-sửu (1517) chính là gặp khoa thi hội, nhưng năm ấy có việc Nguyễn-Hoàng-Dự đánh nhau với Trịnh Tuy ở Thăng long, nên đến năm sau là năm mậu-dần (1518) mới mở kỳ thi, vì việc Nguyễn-Hoàng-Dự với Trịnh-Tuy đánh nhau. *Khâm-định Việt-sử* (q 26, ở 35 a-b) chép như sau này:

« Nguyên năm trước (1516) Nguyễn-Hoàng-Dự (tước Ân-hòa hầu và Trịnh-Tuy (tước Vĩnh-hưng-hầu) theo mệnh-lệnh vua Lê Chiêu-tông đi đánh giặc (Trần-Cao), đến khi về kinh Thăng-long, bọn hữu tử-tế gièm-pha, thành ra hai bên ghen-khích. Nguyễn-Hoàng-Dự thác bệnh không vào chầu, đóng quân ở phường Đông-mã (thuộc huyện Thọ-xương Hà-nội), Trịnh-Tuy thì đóng quân ở ngoài thành Đại-la (tức Hà-nội bây giờ), hai bên chống-cự nhau, chức khoa đài là Nguyễn Quang-hiu vâng vua nghe, vua khuyên giải không được, Nguyễn-văn Lực và Trịnh Duy-Đại hẹn nhau cùng vào chầu, để tâu sinh ảng hòa. Khi vào đến trước bệ rồng, Nguyễn và Lực lấy tờ mật sớ ở trong tay áo ra, trong sớ tâu rằng: « Trịnh-Tuy và Trịnh-duy-Đạt mưu tập con Nguyễn-Trịnh là Nguyễn-Tùng làm nghĩa-chủ, phạm điều đại-nghịch ».

Vua cho bắt bọn Trịnh duy-Đại và bọn Trịnh-bá Quát, đem chém hết cả. Ngày hôm ấy Nguyễn Hoàng-Dự kéo quân đánh Trịnh-Tuy ở địa phận phường Khúc-phố và phường Phục-cổ đều thuộc huyện Thọ xương Hà nội), ba trận đánh mà không được. Đảng của Trịnh-Tuy là Nguyễn-Thế-Phổ bị trúng mũi tên, phải lui, Trịnh-Tuy phải chạy, Nguyễn trần-Châu là người quen của Trịnh-Tuy đã lâu, nên Châu cũng đem quân đến đánh Hoàng Dự để giúp Trịnh Tuy, lại mật dụ những tử đệ ở các dinh Sơn tây về để cùng đánh. Hoàng Dự phải chạy về Thanh hoa. Khi Hoàng Dự cùng Trần Châu đánh nhau đang say, vừa lúc giới gần tối, thế mà có mây ngũ sắc hiện ở phương đông và mây vàng bay trên khắp giới, chúng đều lấy làm quái dị ».

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

(Tiếp theo trang 15)

Thuần-chất huyện Bình-chính, tỉnh Quảng-Bình), chém được tướng Chiêm là Bố-linh tại trận, người Chiêm chết mất quá nửa (*Khâm-định việt-sử*, q. 2, tờ 22 a).

Đến năm 1022, Mán Đại nguyên lĩnh (ở khoảng giữa trại Như hồng và trấn Trào-dương) quấy nhiễu ngoài biên, vua Lý sai Dực-thánh-vương đi đánh quan quân đã vượt sang ở nhà Tống, đến trại Như-hồng, đốt cả kho đạn rồi về (*Khâm-định Việt-sử*, q 2, tờ 23 a b).

Năm 1024, vua Lý sai Khai thiên-vương là Phật-mã đi đánh châu Phong Kha quốc-vương là Bồ đề đánh châu Đô kim (*Khâm-định việt sử* q 2, tờ 24 a).

Tháng mười một năm 1026, Khai-thiên-vương đi đánh Diễn-châu

Đến tháng tám năm sau (1027) sai Khai thiên-vương Phật-mã đi đánh châu Thất-nguyên (nay là huyện Thất-khê). Đông-nhân-vương tên Lực đi đánh châu Văn (nay là châu Văn uyên thuộc tỉnh Lạng-sơn) (*Khâm-định việt-sử*, q. 2, tờ 25 a b).

Lý Công Uẩn đánh bắc dẹp nam, dương-oai diệu võ Ở sa như nước Chân-lạp (tức Cao-mên bây giờ) sang cống bốn lần (*Khâm-định việt sử*, q. 2, tờ 15 a).

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

TIỂU-THUYẾT LỊCH SỬ

An Tư

« Khiến nhân tống An-Tư công-chúa
vu Thoát-Hoan, đạc thử quốc nan đã. »
(Đại Việt sử-ký toàn thư)

Kính tặng hương hồn mẫn thân

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

Số 22

An Tư bỗng có một hồi lâm can đảm. Nàng tâu:

— Quan gia không nên quá ưu phiền vì việc ấy. Nước ta nay mang một cái thảm họa có một không hai. Từ vua tôi dân, người nào cũng đáng lo nghĩ, cốt sao tuyết thù rửa hận, đuổi quân tàn ngược ra ngoài bờ cõi. Tôi dẫy nghĩ mình là phận nữ nhi, không giúp được non sông trong muôn một vẫn lấy làm tự sỉ; nay được dịp trả nợ non sông, dầu có thiệt thòi, nhưng cũng không oán thoán, chẳng qua là làm trọn phận sự một người khi quốc biến đó thôi. Tôi nhận lấy việc này, trăm đau nghìn nhục cũng không quản ngại.

— Công-chúa nghĩ thế thực có hơn người, nhưng nghĩ nỗi kẻ đi người ở, sao dành lòng được

Thượng-hoàng cũng nói:

— Cốt nhục phân ly, anh những mong được thay cha mẹ, đứng chủ hôn em, ai ngờ.

Ngài như muốn khóc. An Tư cũng khóc: đêm hôm qua, trong bóng đèn mờ, nàng không nhận rõ nét mặt Thượng hoàng. Ánh sáng mặt trời hôm nay mới dồ lộ những đường rãn đau đớn và đôi mắt sưng vọp có lẽ vì khóc nhiều. Nàng nói:

— Xin Thượng hoàng bớt thương cảm cho. Tình anh thương em, em đã rõ em đi dầu có thiệt thòi, nhưng cứu được 10 vạn sinh linh, thì dù thất thân cùng giặc, em cũng đành lòng, không oán hận.

Nàng chào Thượng-hoàng, vua Thiệu-bảo, Chiêu-văn vương, bước xuống bến. Hưng-đạo vương bước lại. Nàng cúi đầu kính cẩn trước mặt người cầm vận-mệnh của non sông Đại-Việt lúc ấy:

— Tôi xin từ biệt Đại-vương.

Hưng-đạo nói:

— Tôi đã nghe kể chuyện về Công-chúa. Công-chúa thực là bậc nữ trung hào kiệt, thực là đáng khen lắm. Công-chúa đi phen này tức là lập công đầu vậy. Tướng sĩ cũng sắp theo ra, việc khôi phục cố giang nan, nhưng tôi đã nắm chắc cái thắng trong tay. Công-chúa đợi quan quân; hai tháng nữa, tôi thề lại cầm cờ nước trên kỳ đài mới nghe.

— Tôi xin một lòng chờ đợi quan quân. Tôi xin chúc Đại-vương chóng thu phục được giang san, tôi chắc Đại-vương đã thừa mưu đuổi giặc. Lúc nãy quân sĩ có tỏ tình thương cảm: xin có nhời thăm lạ và xin gửi nhời Đại-vương chúc quan quân hai chữ tinh tiến, chóng tấu khúc khải hoàn.

— Xin vâng nhời Công-chúa.

Nàng đã ra trước bến. Mọi người cùng tiễn theo nàng. An Tư nói:

— Thôi, xin Thượng-hoàng, Quan-gia, hoàng huynh và liệt-vị về cho. Thế này đã là quá hậu.

Thượng-hoàng nói:

— Anh sai gia tướng của Quốc-công là Yết Kiêu hộ vệ em vượt biển ra Bắc. Yết Kiêu là một thủy tướng, thì việc đi bể không có điều chi quản ngại nữa.

Ngài lại lên tiếng gọi:

— Yết Kiêu tướng quân đâu?

Một tráng sĩ, râu thưa, vóc nhỏn, nhô ra trước mũi một chiếc thuyền:

— Xin rước Công-chúa xuống thuyền.

Nàng vô cùng chán nản. Những nhời nói can đảm của nàng lúc nãy chỉ là cái vỏ ngoài che đậy một mối bi thương rất lớn. An-Tư trông trước trông sau: Tình Thanh-hóa quá phũ-phàng đã ẩy nàng ra khi nàng tìm đến đấy làm chốn yên thân sau những ngày sóng gió. Nàng bất giác thở dài ngao ngán và ngẩn ngại.

Đằng sau nàng, xa-xa là cả một đạo quân anh-dũng, với vẻ mặt buồn tênh, đang nhìn cả về phía nàng. Nàng quay lại nhìn họ một hồi lâu, cái đầu chào họ, một lần cuối cùng. Quan quân bàn tán:

— Thảm hơn Thái-tử Đan và tân khách tiễn Kinh Kha!

Chợt họ hồi tưởng đến câu thơ « Việt vương » mà họ thường ngâm những giờ thuyết chiến. Liên tưởng nghĩ đến Tây Thi: Việc ngày nay sao mà phù hợp với việc ngày xưa đến thế; sự tình đã phù hợp thì kết cục cũng phải giống nhau.

Trong lúc tiễn đưa Công-chúa, bọ phẳng phất như thấy ngày đạo quân của Đại vương hùng hổ tiến vào cửa Ngọ môn kinh thành Thăng long, cứu Công-chúa ra khỏi cái lầu mà nàng đang mơ màng giấc đẹp, trong khi quân Thoát Hoan chạy như vỡ tổ khắp nơi không thành hàng ngũ.

An Tư chợt thấy Chiêu-thành vương bên cạnh. Nàng đã đưa mắt tìm chàng nhưng từ lúc ra tới bến, chàng không biết đã biến đi đâu. Nàng đang băn khoăn tìm bắt gặp đôi mắt đầy dục vọng và bất mãn của người yêu.

Nàng run run hỏi, giọng trần ngắt ra sẽ-sẽ của một tân nhân:

— Vương đi đâu từ lúc nãy? Tôi thương Vương lắm. Không biết rồi đôi ta có gặp được nhau nữa không.

Vương cảm thấy biết bao nhiêu buồn trong lời người ngọc. Chàng nói:

— Công-chúa đừng nói gở. Bè ra, ta sẽ gặp nhau. Công-chúa đợi tôi ở Thăng-long không được sai hẹn. Nhẫn nhục mà chờ, con trai họ Trần đã can đảm, thì con gái họ Trần cũng phải biết kiên tâm.

Mắt nàng, vẫn một mảy buồn. An Tư nói:

— Vương ở lại nhé. Thôi tôi đi.

Nàng khóc sướt-mướt, rũ rượi, nước mắt nhiều như nước mắt chức-nữ biệt Ngưu-lang. Thượng hoàng và mọi người đều ngậm ngùi. Ngài chép miệng than.

— Nhốn nạo, sớm hôm qua đến Thanh-hóa, băm hồ được gặp anh, hưởng được bái gì, ai ngờ? Tội-nghiệp cho em gái trẫm. Có ai hay nó lại vô duyên đến thế!

An Tư cúi đầu chào mọi người một lần nữa.

— Công chúa đi nhé!

Tiếng nói nhao nhao. Nàng bước xuống thuyền. Không còn hơi sức nữa, ta vào đón cái lầu lịch sự của thuyền rồng, nàng đã tan ra trong nước mắt. Tì nữ xúm lại lay gọi nàng.

Thuyền đã ra khỏi. Nàng nhòm qua cửa sổ về phía bến Thanh vẫn thấy bóng dáng những người thân đứng đấy trông theo. Trong số ấy, đứng hẳn ra một mỏm đá ăn dài ra biển nhất, là tráng sĩ thân yêu của nàng, Chiêu-thành vương, mà nàng không nhận rõ vẻ buồn, vì thuyền đã xa, chàng im lặng, thanh kiếm bên mình, và chiếc bào đỏ, gió đánh bạt sang một phía.

(*Còn nữa*)

NGUYỄN-HUY-TƯƠNG

Cùng các bạn xuất bản ở Bắc-kỳ

Công cuộc làm tổng đại lý và phát hành đã tổ chức xong. Xin thành thực cảm ơn các nhà đã hưởng ứng và ủng hộ.

Hàng vạn cuốn sách sẽ xuống thuyền để trôi tới những bến bờ mong ước.

Chúng tôi muốn kính mời tất cả các bạn xuất bản cùng hội họp một hôm tại Hanoi để bàn định và thỏa thuận với nhau về giá sách và hoa hồng.

Mong rằng các bạn xuất bản sẽ hưởng ứng lời thỉnh cầu của chúng tôi và xin cho biết ngay ý kiến. (gây hội họp ấn định sau) (1)

Nay kính đại

PHAN KHẮC KHOAN

(Viện sách Quê Hương)

Địa chỉ hiện thời: C O Asiart Clémenceau Namđịnh — Ở Hanoi xin giao dịch với nhà xuất bản HÀN-MẠC (25 Hàng Quạt Hanoi)

(2) *Xin các bạn xuất bản miễn thứ nếu chúng tôi không thể gửi thư riêng đến từng nhà một (vì không biết rõ hết các địa chỉ)*

Phải đọc **THỦY-HỬ** *bản dịch của Trần-Tuấn Khải*

để biết qua giá-trị của tiểu-thuyết Tàu

Trọn bộ 10 tập — Giữ nguyên giá 3$00 ở Bắc-kỳ và 5$50 ở xứ ngoài

ĐÃ CÓ BÁN THỦY-HỬ SỐ 2

NHÀ XUẤT BẢN ANH HOA

69 Hàng Than — Văn phòng 115 Henri d'Orléans — Hanoi